FDVN LAW FIRM

Feel free to go with the truth

FDVN LAWFIRM

BẢN TIN QUY ĐỊNH MỚI ĐÁNG CHÚ Ý THÁNG 8/2026

NGHỊ ĐỊNH SỐ 204/2026/NĐ-CP: QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THÚ Y

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 01/8/2026

Email: fdvnlawfirm@gmail.com - Phone: 0772 096 999
Web: luatvietnamchonguoitrungquoc.vn - fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn - diendannghheluat.vn

BẢN TIN QUY ĐỊNH MỚI ĐÁNG CHÚ Ý THÁNG 8/2026

NGHỊ ĐỊNH SỐ 204/2026/NĐ-CP: QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THÚ Y - CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 01/08/2026 THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH 90/2017/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
1	**Về phạm vi điều chỉnh** **- Mở rộng phạm vi điều chỉnh về hành vi vi phạm, thẩm quyền và thi hành xử phạt** + **Bổ sung quy định về hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và đang thực hiện**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung 02 trường hợp hành vi vi phạm hành chính "đã kết thúc" và "đang thực hiện" vào phạm vi điều chỉnh. Trong khi đó, Điều 1 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định chung về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản trong lĩnh vực thú y, chưa quy định cụ thể và tách biệt 02 loại hành vi này. + **Bổ sung quy định chi tiết về mức phạt theo từng chức danh**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung phạm vi điều chỉnh đối với mức tiền phạt cụ thể theo từng chức danh có thẩm quyền xử phạt. Trong khi đó, Điều 1 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định chung về mức xử phạt và thẩm quyền xử phạt, chưa xác định phạm vi điều chỉnh theo mức tiền phạt tương ứng với từng chức danh. + **Bổ sung quy định về thi hành xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, Nghị định 204/2026/NĐ-CP** 1. Nghị định này quy định về các hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt; biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức tiền phạt cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với hành vi vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thú y. 2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại Nghị định này bao gồm: a) Vi phạm quy định về phòng bệnh, chống dịch bệnh cho động vật; b) Vi phạm quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	phạm vi điều chỉnh đối với việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thú y. Nội dung này chưa được quy định trong phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 Nghị định 90/2017/NĐ-CP.	c) Vi phạm quy định về kiểm soát giết mổ động vật trên cạn; sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; d) Vi phạm quy định về quản lý thuốc thú y; đ) Vi phạm quy định về hành nghề thú y. 3. Các hành vi vi phạm hành chính khác liên quan đến lĩnh vực thú y không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại các nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.	
2	**Về đối tượng áp dụng tại Điều 2 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không có sự thay đổi khi so với Điều 2 Nghị định số 90/2017/NĐ-CP**	**Điều 2. Đối tượng áp dụng, Nghị định 204/2026/NĐ-CP** 1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực thú y trên lãnh thổ Việt Nam. 2. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y và các cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này. 3. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này bao gồm: a) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		b) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã; c) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư; d) Tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; đ) Đơn vị sự nghiệp công lập; e) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật. 4. Hộ kinh doanh, hộ gia đình có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.	
3	**Lược bỏ một số hình thức xử phạt chính và hình thức xử phạt bổ sung:** + **Chỉ quy định một hình thức xử phạt hành chính duy nhất là phạt tiền**: Tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 204/2026/NĐ-CP chỉ quy định một hình thức xử phạt vi phạm hành chính duy nhất trong lĩnh vực thú y là phạt tiền. Trong khi đó, tại Điều 3 của Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định 02 hình thức chính là: Cảnh cáo và phạt tiền. + **Chỉ còn 02 hình thức xử phạt bổ sung**: Điều 3 tại Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định chi tiết 03 hình thức xử phạt chính gồm: (i) Tước quyền sử dụng nhiều giấy phép, chứng chỉ liên quan đến thú y; (ii) Đình chỉ hoạt động có thời hạn; và (iii) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm. Tuy nhiên,	**Điều 3. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Hình thức xử phạt chính trong lĩnh vực thú y là phạt tiền. 2. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn; b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn. 3. Các biện pháp khắc phục hậu quả:	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định 204/2026/NĐ-CP nay chỉ còn 02 hình thức xử phạt bổ sung chính là: (i) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn; và (ii) Đình chỉ hoạt động có thời hạn. **- Bổ sung một số biện pháp khắc phục hậu quả khi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y:** Tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định 90/2017/NĐ-CP có quy định 12 biện pháp khắc phục hậu quả khi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y. Tuy nhiên, nhiều biện pháp khắc phục mới đã được thêm vào tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định 204/2026/NĐ-CP để khắc phục hậu quả vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y như: (i) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y; (ii) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y; (iii) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính; (iv) Buộc tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật đúng cửa khẩu; (v) Buộc thực hiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; và (vi) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y, Chứng chỉ hành nghề do hồ sơ khai man, không trung thực.	a) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y; b) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y; c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính; d) Buộc phải lấy mẫu, xét nghiệm bệnh động vật; đ) Buộc thực hiện việc kiểm dịch, kiểm dịch lại động vật, sản phẩm động vật; e) Buộc thực hiện việc nhập khẩu động vật đúng cửa khẩu; buộc tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật đúng cửa khẩu; g) Buộc giết mổ bắt buộc động vật và xử lý nhiệt sản phẩm động vật; h) Buộc kiểm tra vệ sinh thú y sản phẩm động vật; i) Buộc xử lý sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; k) Buộc tái xuất động vật, sản phẩm động vật; l) Buộc xử lý vệ sinh thú y sản phẩm động vật;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	- Bổ sung quy định về việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép mua bán, cho thuê, cho mượn, thuê, mượn: Đây là nội dung mới hoàn toàn và chưa được đề cập đến trong Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Theo đó, điểm b Khoản 4 Điều 3 của Nghị định 204/2026/NĐ-CP, tổ chức cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y cũng sẽ buộc nộp giấy phép mua bán, cho thuê, cho mượn, thuê, mượn cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi Thông báo về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép đến cơ quan, người có thẩm quyền cấp giấy phép. **- Bổ sung quy định về việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp:** Đây cũng là nội dung chưa được quy định tại Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Theo đó, vì đã bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả mới là "Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính" nên việc thi hành sẽ thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định 204/2026/NĐ-CP như sau: (i) Số lợi bất hợp pháp phải nộp lại = Toàn bộ số tiền thu được từ hành vi vi phạm - Chi phí trực tiếp hợp pháp, hợp lệ có chứng từ chứng minh.	m) Buộc thu hồi, tái chế thuốc thú y không bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; n) Buộc thu hồi, tiêu hủy thuốc thú y nguyên liệu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc y tế, thuốc y tế; o) Buộc thu hồi thuốc thú y và ghi nhãn theo đúng nội dung đã đăng ký; p) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; Giấy chứng nhận tiêm phòng cho động vật; Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y; Giấy chứng nhận GMP; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y; Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y; Chứng chỉ hành nghề thú y (sau đây gọi chung là giấy phép) bị tẩy xóa, sửa chữa, mua bán, cho thuê, cho mượn, thuê, mượn; q) Buộc thực hiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; r) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y, Chứng chỉ hành nghề do hồ sơ khai man, không trung thực. 4. Việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép:	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	(ii) Số tiền tổ chức, cá nhân vi phạm có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính = Số lượng, khối lượng hàng hóa đã chuyển nhượng, tiêu thụ x Đơn giá hàng hóa, dịch vụ - Chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa hoặc dịch vụ (nếu có đầy đủ hồ sơ). **- Bổ sung thêm nguyên tắc xử phạt, thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thú y**: Theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Nghị định 204/2026/NĐ-CP thì các nguyên tắc, thi hành và biện pháp khắc phục sẽ được thực hiện theo một số điều tại Nghị định 204/2026/NĐ-CP. Thêm nữa, biên bản, tài liệu, văn bản hoặc giấy tờ liên quan khác phải có trong hồ sơ xử phạt hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính. Điều này chưa được quy định tại Nghị định 90/2017/NĐ-CP. **- Bổ sung nguyên tắc tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nhiều lần sẽ bị xử phạt về từng hành vi vi phạm**, trừ một số trường hợp theo quy định, đồng thời sẽ áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Khoản 8 Điều 3 Nghị định 204/2026/NĐ-CP. Đây là quy định mới hoàn toàn và chưa được đề cập đến trong Nghị định 90/2017/NĐ-CP.	a) Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nộp giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến cơ quan, người có thẩm quyền cấp giấy phép (trừ trường hợp giấy phép do cơ quan nước ngoài cấp); b) Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nộp giấy phép mua bán, cho thuê, cho mượn, thuê, mượn cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính không đồng thời là cơ quan, người có thẩm quyền cấp phép, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi Thông báo về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép đến cơ quan, người có thẩm quyền cấp giấy phép (trừ trường hợp giấy phép do cơ quan nước ngoài cấp). 5. Việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp được thực hiện như sau: Số lợi bất hợp pháp có được bằng tiền là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ hành vi vi phạm hành	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	- Bổ sung việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện tử: Đây là quy định mới hoàn toàn khi so với Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Theo Khoản 8 Điều 3 Nghị định 204/2026/NĐ-CP thì việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử sẽ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025.	chính và được tính bằng số tiền thu được sau khi đã trừ chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa, dịch vụ căn cứ vào hồ sơ, chứng từ chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó do tổ chức, cá nhân vi phạm cung cấp. Căn cứ để xác định số tiền tổ chức, cá nhân vi phạm có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính được xác định bằng (=) số lượng, khối lượng hàng hóa đã chuyển nhượng, tiêu thụ nhân (x) với đơn giá hàng hóa, dịch vụ trừ (-) chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa hoặc dịch vụ (nếu tổ chức, cá nhân vi phạm có đầy đủ hồ sơ, chứng từ để chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó). Cụ thể: Số lượng hàng hóa đã chuyển nhượng, tiêu thụ được xác định trên cơ sở kê khai của tổ chức, cá nhân vi phạm và kiểm tra, xác minh của người có thẩm quyền xử phạt; Đơn giá hàng hóa, dịch vụ được xác định trên cơ sở hồ sơ, chứng từ của tổ chức, cá nhân vi phạm. Trường hợp không có hồ sơ, chứng từ để xác định thì đơn giá được xác định theo giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ tương tự tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.Trường hợp không xác định được số lượng, khối lượng, đơn giá thì số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ việc chuyển nhượng, tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		6. Nguyên tắc xử phạt, thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thú y được thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 25, khoản 2 Điều 28, Điều 29, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Biên bản, tài liệu, văn bản hoặc giấy tờ liên quan khác ghi nhận việc thi hành các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả phải có trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính. 7. Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ các trường hợp thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 2, điểm đ khoản 3, điểm d khoản 5, khoản 7 Điều 16; khoản 2 Điều 20 Nghị định này thì bị xử phạt vi phạm hành chính một lần về hành vi vi phạm, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm hành chính đó. 8. Việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y trên môi trường điện tử được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
4	**Về quy định mới về thời hiệu xử phạt hành chính trong lĩnh vực thú y.** Đây là quy định mới hoàn toàn tại Điều 4 Nghị định 204/2026/NĐ-CP mà chưa từng được đề cập đến trong Nghị định 90/2017/NĐ-CP, theo đó: + Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định rõ thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y là 01 năm, trừ một số hành vi vi phạm theo quy định là thì thời hiệu xử phạt sẽ là 02 năm. + Để xác định là hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện để tính thời hiệu sẽ dẫn chiếu theo Nghị định 118/2021/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.	**Điều 4. Thời hiệu xử phạt, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y là 01 năm, trừ trường hợp vi phạm hành chính quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, khoản 1, khoản 2, điểm a và điểm d khoản 3 Điều 18, Điều 20, Điều 21, khoản 2 Điều 29, khoản 4 và khoản 5 Điều 30, điểm a khoản 2, điểm a và c khoản 3, điểm a khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 31, điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 33, điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 34, khoản 2 Điều 35, khoản 4 Điều 36, khoản 2 và khoản 3 Điều 37 thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm. 2. Việc xác định hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện để tính thời hiệu xử phạt được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.	
5	**Bổ sung xử phạt vi phạm hành chính đối với hộ kinh doanh, hộ gia đình vi phạm hành chính**: Theo đó, tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hộ kinh doanh, hộ gia đình vi phạm hành chính sẽ áp dụng mức	**Điều 5. Quy định về mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính về lĩnh vực thú y là 50.000.000 đồng đối với cá nhân và 100.000.000 đồng đối với tổ chức.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	phạt tiền như đối với cá nhân vi phạm hành chính. Nội dung này chưa được đề cập đến trong Nghị định 90/2017/NĐ-CP.	2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II của Nghị định này là mức phạt tiền được áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính do cá nhân thực hiện, trừ trường hợp quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của tổ chức. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm với cá nhân thì mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 (hai) lần mức phạt tiền đối với cá nhân. Hộ kinh doanh, hộ gia đình vi phạm hành chính bị áp dụng mức phạt tiền như đối với cá nhân vi phạm hành chính. 3. Thẩm quyền xử phạt tiền của các chức danh quy định tại Chương III của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp 02 (hai) lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.	
6	**Bổ sung thêm 02 hành vi vi phạm hành chính mới và mức xử phạt cho hành vi này, đồng thời bỏ đi 01 hành vi vi phạm cũ.** + Theo đó, tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định 02 hành vi xử phạt vi phạm hành chính mới đó là "Sử dụng thuốc thú y không có đơn thuốc đối với thuốc thú y phải kê đơn theo quy định" và "Sử dụng thuốc thú y	**Điều 6. Vi phạm quy định chung về phòng bệnh, chữa bệnh động vật, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi không chấp hành lấy mẫu để kiểm tra, xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	mà phát hiện thuốc thú y gây hại cho động vật, môi trường và con người nhưng không báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc thú y xã", mức phạt tiền cho 02 hành vi này là từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Hai hành vi này không được đề cập đến trong Nghị định 90/2017/NĐ-CP. + Bên cạnh đó, Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã bỏ hành vi "Không báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc nhân viên thú y cấp xã khi phát hiện thuốc thú y gây hại cho động vật, môi trường và con người" quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 5 Nghị định 90/2017/NĐ-CP.	2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Sử dụng thuốc thú y không theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; b) Sử dụng thuốc thú y không có đơn thuốc đối với thuốc thú y phải kê đơn theo quy định; c) Sử dụng thuốc thú y mà phát hiện thuốc thú y gây hại cho động vật, môi trường và con người nhưng không báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc thú y xã. 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y nơi gần nhất hoặc thú y xã khi phát hiện và biết động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, chết do bệnh truyền nhiễm. 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không báo cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y kết quả xét nghiệm xác định động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch và Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. 6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Vứt động vật mắc bệnh chết và sản phẩm của chúng ra môi trường; b) Buôn bán động vật giống mắc bệnh truyền nhiễm. 7. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Sử dụng thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép; b) Sử dụng thuốc thú y không rõ nguồn gốc xuất xứ, hết hạn sử dụng; c) Sử dụng nguyên liệu thuốc thú y; d) Sử dụng nguyên liệu thuốc y tế hoặc thuốc y tế. 8. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thuốc thú y trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam. 9. Biện pháp khắc phục hậu quả:	

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
P.301, tầng 03, 63 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng, Tp. Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
146 Hoàng Hoa Thám, P. Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Luatsugialai.vn

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này; b) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật, xác động vật và sản phẩm của chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này; c) Buộc tiêu hủy thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc y tế, thuốc y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều này.	
7	**Điều 7 tại Nghị định 204/2026/NĐ-CP không có sự thay đổi so với Điều 6 Nghị định 90/2017/NĐ-CP đối với "Vi phạm quy định chung về chống dịch bệnh động vật"**	**Điều 7. Vi phạm quy định chung về chống dịch bệnh động vật, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Khai báo không đúng số lượng, khối lượng động vật mắc bệnh, chết, sản phẩm động vật nhiễm bệnh phải tiêu hủy với mục đích trục lợi; b) Khai báo không đúng số lượng, khối lượng vật tư, hóa chất để phòng, chống dịch bệnh động vật với mục đích trục lợi;	

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
P.301, tầng 03, 63 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng, Tp. Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
146 Hoàng Hoa Thám, P. Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Luatsugialai.vn

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		c) Cung cấp thông tin không chính xác về dịch bệnh động vật cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc thú y xã. 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển động vật mẫn cảm với dịch bệnh đã công bố và sản phẩm của chúng qua vùng có dịch bệnh động vật mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền nơi có dịch. 4. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Tiêu hủy không đúng quy định hoặc không tiêu hủy động vật mắc bệnh, chết, sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc diện phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật; b) Không chấp hành biện pháp xử lý bắt buộc động vật mắc bệnh, động vật có dấu hiệu mắc bệnh, sản phẩm của động vật mang mầm bệnh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. 5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển động vật mắc bệnh, sản phẩm hoặc chất thải của động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm đang được công bố ra khỏi vùng có dịch khi không được phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng. 7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án. 8. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc giết mổ bắt buộc động vật và xử lý nhiệt sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này; b) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật và chất thải của động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này.	
8	**- Tăng mức xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 hành vi**: (i) Không tiêm phòng vắc-xin phòng bệnh Dại cho động vật bắt buộc phải tiêm phòng;	**Điều 8. Vi phạm về phòng bệnh động vật trên cạn, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc phòng bệnh bằng vắc-	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	(ii) Không đeo rọ mõm cho chó hoặc không xích giữ chó, không có người dắt khi đưa chó ra nơi công cộng bị xử phạt từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Tuy nhiên, 02 hành vi nêu trên đã tăng mức xử phạt từ **1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng** theo Khoản 2 Điều 8 Nghị định 204/2026/NĐ-CP. **- Thay đổi biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi Giết mổ, mua bán động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết, sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch**: Tại điểm c Khoản 9 Điều 7 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi trên là Buộc tiêu huỷ động vật, sản phẩm động vật. Tuy nhiên, biện pháp này đã bị thay thế tại điểm c Khoản 8 Điều 8 Nghị định 204/2026/NĐ-CP thành biện pháp "Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được và buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 7 Điều này".	xin hoặc các biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật. 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không tiêm phòng vắc-xin phòng bệnh Dại cho động vật bắt buộc phải tiêm phòng; b) Không đeo rọ mõm cho chó hoặc không xích giữ chó, không có người dắt khi đưa chó ra nơi công cộng. 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi không thực hiện cách ly, chăm sóc, chữa bệnh cho động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, trừ trường hợp cấm chữa bệnh hoặc phải giết mổ, tiêu hủy bắt buộc. 4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không thực hiện việc giám sát dịch bệnh động vật tại cơ sở theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; b) Không theo dõi, ghi chép quá trình phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật. 5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận tiêm phòng cho động vật.	

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
P.301, tầng 03, 63 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng, Tp. Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
146 Hoàng Hoa Thám, P. Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Luatsugialai.vn

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cơ sở chăn nuôi gia súc giống, gia cầm giống và bò sữa không chấp hành việc lấy mẫu giám sát định kỳ đối với một số bệnh truyền lây giữa động vật và người theo quy định. 7. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Giết mổ, mua bán động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết, sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch; b) Chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung ấp nở trứng gia cầm hoặc kinh doanh gia súc, gia cầm tại địa điểm không theo quy hoạch hoặc không được cơ quan có thẩm quyền cho phép. 8. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận tiêm phòng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này; b) Buộc phải lấy mẫu, xét nghiệm bệnh động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này; c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được và buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 7 Điều này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
9	**- Tăng mức xử phạt đối với hành vi không tuân thủ hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y khi chữa bệnh cho động vật trong ổ dịch, vùng có dịch**: Mức xử phạt cho hành vi nêu trên được quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định 90/2017/NĐ-CP với mức phạt tiền chỉ từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, Khoản 1 Điều 9 Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã nâng mức xử phạt này thành mức 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. **- Bỏ hành vi "buôn bán động vật dễ nhiệm bệnh dịch đã công bố trong vùng có dịch không theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y"**: Tại điểm a Khoản 4 Điều 8 Nghị định 90/2017/NĐ-CP đã quy định hành vi buôn bán động vật nêu trên sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, điểm a Khoản 4 Điều 9 của Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã bãi bỏ quy định này. **- Bổ sung mức xử phạt nếu gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng đối với hành vi tại điểm a khoản 5 Điều này**: Đây là quy định chưa được đề cập đến trong Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Theo đó, Khoản 6 Điều 9 của Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã bổ sung mức xử phạt vi phạm từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu thực hiện hành vi tại điểm a Khoản 5 của Điều này.	**Điều 9. Vi phạm về chống dịch bệnh động vật trên cạn, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y khi chữa bệnh cho động vật trong ổ dịch, vùng có dịch. 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Chăn thả động vật mắc bệnh dịch ở các bãi chăn chung; b) Không chấp hành việc sử dụng vắc-xin hoặc các biện pháp phòng, chống dịch bắt buộc khác tại vùng có dịch. 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật từ cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh hoặc cơ sở đã được giám sát dịch bệnh động vật không tuân thủ tuyến đường vận chuyển ra khỏi vùng có dịch theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y. 4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Giết mổ, lưu thông động vật, sản phẩm của động vật dễ nhiễm bệnh dịch đã công bố trong vùng có dịch	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	- Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả "Buộc thực hiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển" và "Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính": Tại khoản 8 Điều 8 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định 02 biện pháp khắc phục hậu quả chính đó là (i) Buộc tiêu hủy động vật mắc bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; và (ii) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm đ khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này. Theo đó, Khoản 15 Điều 9 Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã kế thừa 02 biện pháp khắc phục trên và bổ sung thêm 02 biện pháp khắc phục hậu quả mới là (i) Buộc thực hiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển đối với hành vi vi phạm tại điểm d khoản 4 Điều này; (ii) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 và khoản 6 Điều này.	không theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; b) Dừng phương tiện vận chuyển động vật hoặc thả động vật xuống vùng có dịch trong khi chỉ được phép đi qua; c) Không thực hiện xử lý, vệ sinh, khử trùng, tiêu độc sau giết mổ đối với cơ sở giết mổ, dụng cụ giết mổ, chất thải của động vật bị giết mổ bắt buộc; d) Sử dụng phương tiện vận chuyển động vật đi giết mổ bắt buộc không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y; đ) Giết mổ, xử lý động vật, xác động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch không theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y. 5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Vận chuyển, buôn bán động vật, sản phẩm của động vật bị nhiễm bệnh dịch đã được công bố trong vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm; b) Mang đi tiêu thụ thân thịt, phụ phẩm, sản phẩm khác của động vật bị giết mổ bắt buộc chưa được xử lý bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		c) Chăn nuôi hoặc xuất bán động vật mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền đã yêu cầu phải giết mổ bắt buộc hoặc tiêu hủy; d) Không tiêu hủy hoặc giết mổ bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y. 6. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng. 7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng. 8. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		9. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đưa vào vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm trên lãnh thổ Việt Nam động vật mẫn cảm với dịch bệnh đang xảy ra ở nước có chung đường biên giới và sản phẩm của chúng mà không gây thiệt hại về tài sản. 10. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 9 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng. 11. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 9 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án. 12. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi đưa vào vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm trên lãnh thổ Việt Nam động vật mắc bệnh với bệnh dịch đang xảy ra ở nước có chung đường biên giới và sản phẩm của chúng mà không gây thiệt hại về tài sản.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		13. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 12 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng. 14. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 12 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án. 15. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc tiêu hủy động vật mắc bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm đ khoản 4, các khoản 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 Điều này; c) Buộc thực hiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển đối với hành vi vi phạm tại điểm d khoản 4 Điều này;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 và khoản 6 Điều này.	
10	**Cụ thể hoá hành vi vi phạm hành chính "Xử lý môi trường không đúng theo hướng dẫn"**: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định 90/2017/NĐ-CP, hành vi "Xử lý môi trường không theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành" sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 10 Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã thay đổi và cụ thể hoá hành vi nêu trên thành "Thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc không theo đúng hướng dẫn".	**Điều 10. Vi phạm về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 700.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc không theo đúng hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành khi có dịch bệnh xảy ra; b) Không thực hiện chữa bệnh, thu hoạch hoặc xử lý động vật thủy sản mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm, chết theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành; c) Thả mới hoặc thả bổ sung động vật thủy sản mẫn cảm với bệnh dịch đã công bố trong thời gian công bố dịch. 2. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng động vật thủy sản để làm giống mang mầm bệnh hoặc mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch. 3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc khi có dịch bệnh xảy ra.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy động vật thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.	
11	**Tăng mức xử phạt vi phạm hành chính đối với một số hành vi so với Nghị định 90/2017/NĐ-CP** **+ Tăng mức xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi đăng ký kiểm dịch không trung thực**: Căn cứ theo khoản 1 Điều 10 Nghị định 90/2017/NĐ-CP thì mức xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi đăng ký kiểm dịch không trung thực từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, mức xử phạt này đã được tăng lên từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với các hành vi nêu trên theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định 204/2026/NĐ-CP. **+ Tăng mức xử phạt đối với hành vi không đăng ký kiểm dịch khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**: Căn cứ quy định theo Khoản 2 Điều 10 Nghị định 90/2017/NĐ-CP thì mức xử phạt đối với hành vi nêu trên sẽ từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Thì nay, theo Khoản 2 Điều 11 Nghị định 204/2026/NĐ-CP thì mức xử phạt trở thành mức 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi nêu trên.	**Điều 11. Vi phạm quy định chung về thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi đăng ký kiểm dịch không trung thực về các nội dung sau đây: a) Chủng loại động vật, sản phẩm động vật; b) Nguồn gốc xuất xứ, mục đích sử dụng của động vật, sản phẩm động vật; c) Thông tin về tiêm phòng vắc-xin, kết quả giám sát dịch bệnh hoặc an toàn dịch bệnh động vật; d) Kết quả xét nghiệm đối với động vật, sản phẩm động vật. 2. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký kiểm dịch khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.	

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
P.301, tầng 03, 63 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng, Tp. Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
146 Hoàng Hoa Thám, P. Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Luatsugialai.vn

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
12	**- Bổ sung thêm hành vi "Vận chuyển động vật, sản phẩm động vật quá thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch":** Đây là nội dung mới hoàn toàn chưa được đề cập đến trong Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Theo đó, tại điểm e Khoản 2 Điều 12 Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã bổ sung thêm hành vi "Vận chuyển động vật, sản phẩm động vật quá thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch" có mức xử phạt từ từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng. **- Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả là "Buộc nộp lại Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật"**: Theo quy định tại Khoản 6 Điều 11 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định 02 biện pháp khắc phục hậu quả là "Buộc thực hiện việc kiểm dịch lại động vật, sản phẩm động vật" và "Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật trong trường hợp kiểm dịch lại phát hiện động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm". Thì nay, tại Khoản 5 Điều 12 Nghị định 204/2026/NĐ-CP có bổ sung thêm 01 biện pháp nữa là "Buộc thực hiện việc kiểm dịch lại động vật, sản phẩm động vật" áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 và khoản 4 Điều này.	**Điều 12. Vi phạm về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật, phương tiện vận chuyển trước và sau khi kiểm dịch; b) Trốn tránh việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tại các trạm kiểm dịch đầu mối giao thông trên tuyến đường vận chuyển. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Đánh tráo hoặc làm thay đổi số lượng động vật, khối lượng sản phẩm động vật đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; b) Vận chuyển, buôn bán động vật, sản phẩm động vật không đúng chủng loại, số lượng ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch; c) Tự ý tháo dỡ niêm phong phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật hoặc thay đổi mã số đánh dấu động vật trong quá trình vận chuyển;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		d) Sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch không đúng với lô hàng động vật, sản phẩm động vật; đ) Đưa động vật, sản phẩm động vật đến địa điểm không đúng địa chỉ nơi đến được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch; e) Vận chuyển động vật, sản phẩm động vật quá thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch. 3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán động vật, sản phẩm động vật sai mục đích sử dụng ghi trên Giấy chứng nhận kiểm dịch. 4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc xuất xứ. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b và d khoản 2 Điều này; b) Buộc thực hiện việc kiểm dịch lại động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 và khoản 4 Điều này; c) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật trong trường hợp kiểm dịch lại phát hiện động vật mắc bệnh hoặc sản phẩm động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 và khoản 4 Điều này.	
13	**Bỏ biện pháp buộc thực hiện kiểm dịch động vật đối với sản phẩm động vật thuỷ sản giống trong Biện pháp khắc phục hậu quả**: Căn cứ điểm a Khoản 3 Điều 12 Nghị định 90/2017/NĐ-CP thì đối với biện pháp khắc phục hậu quả là Buộc thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản thì không có loại trừ đối với "động vật thuỷ sản giống". Tuy nhiên, Khoản 3 Điều 13 Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã bổ sung thêm loại trừ "động vật thuỷ sản giống" đối với biện pháp nêu trên.	**Điều 13. Vi phạm về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển động vật thủy sản giống vượt quá 10% về số lượng, không đúng chủng loại, kích cỡ ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch. 2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch; b) Đưa động vật thủy sản thu hoạch từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch ra khỏi vùng có dịch mà chưa được sơ chế, chế biến. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 (trừ động vật thủy sản giống); khoản 1 Điều này;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		b) Buộc tiêu hủy động vật thủy sản giống đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; c) Buộc phải sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.	
14	**Giảm mức xử phạt vi phạm hành chính đối với một số hành vi so với Nghị định 90/2017/NĐ-CP**: **+ Giảm mức xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi "Vi phạm quy định chung về thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật"**: Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định 90/2017/NĐ-CP thì mức xử phạt đối với hành vi nêu trên là từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 14 Nghị định 204/2026/NĐ-CP thì mức xử phạt đã giảm xuống từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng. **+ Giảm mức xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi: (i) Không đăng ký, khai báo kiểm dịch khi nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch; (ii) Không đăng ký kiểm dịch khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch**: Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 90/2017/NĐ-CP thì mức xử phạt đối với hành vi nêu trên là	**Điều 14. Vi phạm quy định chung về thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi đăng ký, khai báo kiểm dịch không trung thực về một trong các nội dung sau đây: a) Chủng loại động vật, sản phẩm động vật; b) Nguồn gốc xuất xứ của động vật, sản phẩm động vật, mục đích sử dụng, phương tiện vận chuyển, địa chỉ nơi đến. 2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không đăng ký, khai báo kiểm dịch khi nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch;	

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghеluat.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
P.301, tầng 03, 63 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng, Tp. Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
146 Hoàng Hoa Thám, P. Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Luatsugialai.vn

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 14 Nghị định 204/2026/NĐ-CP thì mức xử phạt đã giảm xuống từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.	b) Không đăng ký kiểm dịch khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch.	
15	**Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả "Buộc nộp lại Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật"**: Tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định 01 biện pháp khắc phục hậu quả đối với "Vi phạm quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu" là Buộc kiểm dịch lại động vật, sản phẩm động vật. Tuy nhiên, điểm a Khoản 4 Điều 15 Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã bổ sung thêm 1 biện pháp khắc phục là "Buộc nộp lại Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật" theo quy định tại khoản 2 Điều này.	**Điều 15. Vi phạm quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Tự ý tháo dỡ niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển, bốc dỡ động vật, sản phẩm động vật; b) Tự ý thay đổi phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật đã được kiểm dịch. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật. 3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi đánh tráo hoặc thay đổi số lượng động vật, khối lượng sản phẩm động vật đã được kiểm dịch. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật quy định tại khoản 2 Điều này;	

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
P.301, tầng 03, 63 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng, Tp. Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
146 Hoàng Hoa Thám, P. Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Luatsugialai.vn

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		b) Buộc kiểm dịch lại động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.	
16	**Bổ sung thêm hành vi và mức phạt tiền đối với "Vi phạm quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu"** + Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 16 Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã bổ sung mức phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng cho hành vi "Nhập khẩu sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm từ cơ sở có tên trong Danh sách cơ sở sản xuất được phép xuất khẩu vào Việt Nam nhưng trên nhãn bao bì không thể hiện hoặc thể hiện không đúng tên cơ sở sản xuất hoặc mã số cơ sở sản xuất theo danh sách đã được công bố, không phù hợp với thông tin ghi trên Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu". Trong khi đó, trước đây Nghị định 90/2017/NĐ-CP chưa từng đề cập đến hành vi này. + Theo quy định tại điểm đ Khoản 3 Điều 16 Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã bổ sung mức phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi "Nhập khẩu sản phẩm động vật có nơi đến ghi trên bao bì sản phẩm không phải Việt Nam". Tương tự, trước đây Nghị định 90/2017/NĐ-CP chưa từng đề cập đến hành vi này. **+ Cụ thể hoá mức phạt tiền đối với hành vi đưa vào lãnh thổ Việt Nam bệnh phẩm và tác nhân gây bệnh cho**	**Điều 16. Vi phạm quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật nhiều hơn số lượng, khối lượng ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu; b) Nhập khẩu sản phẩm động vật trên cạn mang theo người ở dạng tươi sống, sơ chế; sản phẩm động vật thủy sản ở dạng tươi sống. 2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Đưa sản phẩm động vật nhập khẩu với mục đích làm nguyên liệu để gia công, chế biến hàng xuất khẩu đến cơ sở gia công chế biến không đúng địa điểm đã đăng ký; b) Nhập khẩu sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm từ cơ sở có tên trong Danh sách cơ sở sản xuất được phép xuất khẩu vào Việt Nam nhưng trên nhãn bao bì không thể hiện hoặc thể hiện không đúng tên cơ sở sản xuất hoặc mã số cơ sở sản xuất theo danh sách	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	động vật mà không được phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền: Căn cứ Khoản 10 Điều 15 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định chung mức xử phạt là từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đưa vào lãnh thổ Việt Nam bệnh phẩm và các tác nhân gây bệnh cho động vật mà không được phép của cơ quan thú y có thẩm quyền. Thì nay, mức tại Khoản 10 Điều 16 Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã quy định cụ thể mức phạt đối với các hành vi cụ thể như sau: (i) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà chưa gây thiệt hại về tài sản; (ii) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng; (iii) Phạt tiền từ 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án. + **Bổ sung thêm biện pháp khắc phục hậu quả "buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với một số hành vi":** Căn cứ quy định tại điểm c, d, đ và e Khoản 11 Điều 15 Nghị định 90/2017/NĐ-CP thì các biện pháp khắc phục hậu	đã được công bố, không phù hợp với thông tin ghi trên Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. 3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật không đúng cửa khẩu; b) Nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật không đúng nguồn gốc xuất xứ theo nội dung đăng ký, khai báo kiểm dịch; c) Đưa động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch không đúng địa điểm hoặc không đúng số lượng đã được chấp thuận theo hồ sơ kiểm dịch; d) Không chấp hành thời hạn theo dõi cách ly kiểm dịch đối với động vật nhập khẩu; đ) Nhập khẩu sản phẩm động vật có nơi đến ghi trên bao bì sản phẩm không phải Việt Nam. 4. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Để động vật nhập khẩu chưa hết thời gian cách ly kiểm dịch tiếp xúc với động vật nuôi trên lãnh thổ Việt Nam;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	quả chỉ là "Buộc tái xuất" hoặc "Buộc xử lý nhiệt chuyển đổi mục đích sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi" hoặc "Buộc xử lý vệ sinh thú y sản phẩm động vật" đối với một số hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm c, d, đ và e Khoản 11 Điều 16 Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã bổ sung thêm biện pháp khắc phục hậu quả là "buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với một số hành vi".	b) Không chấp hành các biện pháp xử lý vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật; c) Sử dụng phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y; d) Nhận hoặc gửi mẫu bệnh phẩm không được đóng gói, bảo quản, vận chuyển theo quy định. 5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không thu gom, xử lý xác động vật, chất thải, chất độn, thức ăn thừa của động vật phát sinh trong quá trình vận chuyển theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; b) Tự ý tháo dỡ niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; c) Tự ý thay đổi phương tiện vận chuyển; d) Nhập khẩu sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm từ cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến không có tên trong danh sách cơ sở được phép xuất khẩu vào Việt Nam theo quy định. 6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu sản phẩm động vật để làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản bị tạp nhiễm với sản phẩm của loài động vật khác.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		7. Phạt tiền từ 10% đến 15% trị giá lô hàng nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Nhập khẩu sản phẩm động vật có tồn dư chất độc hại vượt quá mức giới hạn cho phép hoặc nhiễm vi sinh vật vượt quá mức giới hạn cho phép hoặc dương tính với đối tượng kiểm dịch; b) Nhập khẩu sản phẩm động vật chưa làm sạch lông, da, móng và các tạp chất khác không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y về cảm quan; c) Nhập khẩu sản phẩm động vật bị biến đổi về màu sắc, mùi vị, tạp nhiễm côn trùng, chảy nước không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y. 8. Phạt tiền từ 20% đến 25% trị giá lô hàng nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Nhập khẩu động vật mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; b) Nhập khẩu động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch. 9. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành biện pháp xử lý vệ sinh thú y theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với động vật, sản phẩm động vật bị	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		nhiễm mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch. 10. Phạt tiền đối với hành vi đưa vào lãnh thổ Việt Nam bệnh phẩm và tác nhân gây bệnh cho động vật mà không được phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền như sau: a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà chưa gây thiệt hại về tài sản; b) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng; c) Phạt tiền từ 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án. 11. Biện pháp khắc phục hậu quả:	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		a) Buộc thực hiện việc nhập khẩu động vật đúng cửa khẩu hoặc buộc tái xuất động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; b) Buộc tiêu hủy sản phẩm động vật, mẫu bệnh phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm d khoản 4 Điều này; c) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tiêu hủy đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này trong trường hợp tái phạm; d) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tiêu hủy hoặc xử lý nhiệt chuyển đổi mục đích sử dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 7 Điều này; đ) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc xử lý vệ sinh thú y sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 7 Điều này; e) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật, bệnh phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3, điểm d khoản 5, khoản 6, điểm c khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
17	**Bổ sung quy định mới về "Vi phạm quy định về nhập khẩu sản phẩm động vật, thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y hết hạn sử dụng (trừ thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi cho động vật trên cạn)"** Đây là quy định mới hoàn toàn mà chưa từng được đề cập trong Nghị định 90/2017/NĐ-CP, theo đó, tại Điều 17 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định: + Đối với hành vi "Hành vi nhập khẩu sản phẩm động vật hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc trên bao bì bao gói sản phẩm hoặc tài liệu kèm theo bị xử phạt" thì mức xử phạt từ 20.000.000 đồng và tối đa lên đến 50.000.000 đồng tuỳ theo giá trị của hàng hoá. + Đối với hành vi "Nhập khẩu mỗi loại sản phẩm thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc trên bao bì bao gói sản phẩm hoặc tài liệu kèm theo bị xử phạt" thì mức xử phạt sẽ từ 10.000.000 đồng đến tối đa là 35.000.000 đồng tuỳ theo giá trị của hàng hoá. **(Lưu ý mức phạt trên đây chỉ là mức phạt với cá nhân, nếu là tổ chức vi phạm thì mức xử phạt phải gấp 2 lần mức phạt nêu trên)** + Đối với Hình thức xử phạt bổ sung sẽ là: Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y từ 01 tháng đến 03 tháng.	**Điều 17. Vi phạm quy định về nhập khẩu sản phẩm động vật, thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y hết hạn sử dụng (trừ thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi cho động vật trên cạn), Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Hành vi nhập khẩu sản phẩm động vật hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc trên bao bì bao gói sản phẩm hoặc tài liệu kèm theo bị xử phạt như sau: a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị dưới 50.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên. 2. Hành vi nhập khẩu mỗi loại sản phẩm thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc trên bao bì bao gói sản phẩm hoặc tài liệu kèm theo bị xử phạt như sau: a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị dưới 50.000.000 đồng;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	+ Biện pháp khắc phục hậu quả sẽ là: (i) Buộc tái xuất; hoặc (ii) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; hoặc (iii) Tiêu hủy sản phẩm động vật, thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y hết hạn sử dụng.	b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên. 3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tiêu hủy sản phẩm động vật, thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y hết hạn sử dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	
18	**Bổ sung hành vi vi phạm hành chính và tăng mức xử phạt vi phạm hành chính, bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả đối với "Vi phạm quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam"** **+ Bổ sung hành vi vi phạm hành chính và tăng mức xử phạt vi phạm hành chính**:	**Điều 18 Nghị định 204/2026/NĐ-CP. Vi phạm quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam** 1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Tại điểm b Khoản 1 Điều 18 Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã bổ sung hành vi "Tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật không được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền". Thêm nữa, tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 90/2017/NĐ-CP đã bổ sung có quy định mức xử phạt đối với hành vi từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng thì nay, tại điểm a Khoản 1 Điều 18 Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã tăng mức xử phạt vi phạm hành vi từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. + **Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả là "buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam":** Căn cứ điểm a Khoản 6 Điều 16 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định biện pháp khắc phục hậu quả là "Buộc tái xuất động vật, sản phẩm động vật" thì nay, tại điểm a Khoản 5 Điều 18 Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã bổ sung thêm biện pháp khắc phục hậu quả là buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".	a) Không khai báo với cơ quan kiểm dịch động vật tại cửa khẩu xuất để giám sát việc tái xuất động vật, sản phẩm động vật ra khỏi lãnh thổ Việt Nam; b) Tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật không được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật không đúng nguồn gốc xuất xứ ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch. 3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Để động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh tiếp xúc với động vật nuôi trên lãnh thổ Việt Nam; b) Không chấp hành các biện pháp xử lý vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật; c) Sử dụng phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		d) Tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật không đúng cửa khẩu. 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Tự ý tháo dỡ niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; b) Tự ý bốc dỡ động vật, sản phẩm động vật trước khi kiểm dịch; c) Tự ý thay đổi phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; d) Không thu gom, xử lý xác động vật, chất thải, chất độn, thức ăn thừa của động vật phát sinh trong quá trình vận chuyển theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này; b) Buộc tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		phẩm động vật đúng cửa khẩu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.	
19	**Làm rõ hành vi vi phạm và điều chỉnh biện pháp xử lý** **+ Làm rõ hành vi vận chuyển không có Giấy chứng nhận kiểm dịch**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định tại khoản 3 Điều 19 hành vi "vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không có Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định"; trong khi khoản 3 Điều 17 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định hành vi "không có Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật". Như vậy, quy định mới xác định cụ thể chủ thể thực hiện hành vi là hành vi vận chuyển và gắn với yêu cầu Giấy chứng nhận theo quy định, thay cho cách quy định khái quát của Nghị định cũ. **+ Bỏ hình thức xử phạt bổ sung tịch thu Giấy chứng nhận kiểm dịch**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định tịch thu Giấy chứng nhận đối với các hành vi tại khoản 1, khoản 2 Điều 19; trong khi khoản 4 Điều 17 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định tịch thu Giấy chứng nhận đối với các hành vi tại khoản 1, khoản 2. Như vậy, hình thức xử phạt bổ sung tịch thu Giấy chứng nhận được loại bỏ.	**Điều 19. Vi phạm quy định chung về Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn, thuê, mượn Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật. 3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không có Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và buộc kiểm dịch lại động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này (trừ động vật thủy sản giống); b) Buộc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này (trừ động vật thủy sản giống);	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	+ Bổ sung biện pháp buộc nộp lại Giấy chứng nhận và điều chỉnh biện pháp kiểm dịch: Điểm a khoản 4 Điều 19 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung biện pháp buộc nộp lại Giấy chứng nhận và buộc kiểm dịch lại đối với hành vi tại khoản 1, khoản 2; điểm b khoản 4 quy định buộc kiểm dịch đối với hành vi tại khoản 3. Trong khi đó, khoản 5 Điều 17 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định buộc kiểm dịch lại đối với hành vi tại khoản 3 và buộc nộp lại Giấy chứng nhận bị tẩy xóa, sửa chữa. Như vậy, quy định mới chuyển trọng tâm từ tịch thu sang buộc nộp lại và điều chỉnh phạm vi, cách thức áp dụng biện pháp kiểm dịch. **+ Bổ sung trường hợp xử lý riêng đối với động vật thủy sản giống**: Điểm b, điểm c khoản 4 Điều 19 Nghị định 204/2026/NĐ-CP loại trừ động vật thủy sản giống khỏi trường hợp buộc kiểm dịch, đồng thời quy định buộc tiêu hủy trong trường hợp động vật thủy sản giống thuộc khoản 3 hoặc khi kiểm dịch phát hiện bệnh thuộc trường hợp luật định. Nghị định 90/2017/NĐ-CP chưa có quy định tương ứng tại khoản 5 Điều 17. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 19 Nghị định 204/2026/NĐ-CP làm rõ hành vi vận chuyển không có Giấy chứng nhận kiểm dịch, đồng thời loại bỏ hình thức tịch thu và thay bằng các biện pháp buộc nộp lại, kiểm dịch hoặc tiêu hủy theo từng trường hợp.	c) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này trong trường hợp là động vật thủy sản giống hoặc trong trường hợp kiểm dịch phát hiện động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
20	**Bỏ tịch thu Giấy chứng nhận và mở rộng biện pháp xử lý đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu** **+ Bỏ hình thức xử phạt bổ sung tịch thu Giấy chứng nhận**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định tịch thu Giấy chứng nhận đối với hành vi tại khoản 1 Điều 20; trong khi khoản 4 Điều 18 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định tịch thu các loại Giấy chứng nhận đối với hành vi tại khoản 1. Như vậy, hình thức tịch thu được bỏ khỏi quy định mới. **+ Bổ sung biện pháp buộc nộp lại Giấy chứng nhận**: Điểm a khoản 4 Điều 20 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định buộc nộp lại Giấy chứng nhận đối với hành vi tại khoản 1. Trong khi đó, Điều 18 Nghị định 90/2017/NĐ-CP áp dụng hình thức tịch thu theo khoản 4 và không quy định biện pháp buộc nộp lại tương ứng. Như vậy, quy định mới thay đổi từ xử phạt bổ sung sang biện pháp khắc phục hậu quả. **+ Bổ sung phương án buộc đưa động vật, sản phẩm động vật ra khỏi lãnh thổ Việt Nam**: Điểm b khoản 4 Điều 20 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung phương án buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, bên cạnh buộc tái xuất hoặc tiêu hủy đối với hành vi tại khoản 2, khoản 3. Trong khi đó, khoản 5 Điều 18 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định buộc tái xuất hoặc tiêu hủy.	**Điều 20. Vi phạm quy định chung về Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật. 2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật chứng nhận không đúng loại hàng thực nhập hoặc ghi nơi đến không phải là Việt Nam. 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; b) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Như vậy, quy định mới mở rộng các phương án xử lý đối với hàng hóa vi phạm. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 20 Nghị định 204/2026/NĐ-CP chuyển hình thức xử phạt từ tịch thu sang buộc nộp lại Giấy chứng nhận và bổ sung phương án buộc đưa động vật, sản phẩm động vật ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.		
21	**Bỏ tịch thu Giấy chứng nhận và bổ sung biện pháp buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam** **+ Bỏ hình thức xử phạt bổ sung tịch thu Giấy chứng nhận**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định tịch thu Giấy chứng nhận tại Điều 21; trong khi khoản 3 Điều 19 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định tịch thu các loại Giấy chứng nhận đối với hành vi tại khoản 1. Như vậy, hình thức xử phạt bổ sung này được loại bỏ. **+ Bổ sung biện pháp buộc nộp lại Giấy chứng nhận**: Điểm a khoản 3 Điều 21 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định buộc nộp lại Giấy chứng nhận đối với hành vi tại khoản 1. Trong khi đó, Điều 19 Nghị định 90/2017/NĐ-CP không quy định biện pháp buộc nộp lại tương ứng mà áp dụng tịch thu tại khoản 3. **+ Bổ sung biện pháp buộc đưa động vật, sản phẩm động vật ra khỏi lãnh thổ Việt Nam**:	**Điều 21. Vi phạm quy định chung về Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại các loại Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; b) Buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tiêu hủy	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Điểm b khoản 3 Điều 21 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung phương án buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam bên cạnh buộc tái xuất hoặc tiêu hủy đối với hành vi tại khoản 2. Trong khi đó, khoản 4 Điều 19 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định buộc tái xuất và trường hợp không tái xuất được thì buộc tiêu hủy. Như vậy, phạm vi biện pháp khắc phục hậu quả được mở rộng. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 21 Nghị định 204/2026/NĐ-CP loại bỏ hình thức tịch thu Giấy chứng nhận, bổ sung biện pháp buộc nộp lại và mở rộng phương án xử lý đối với động vật, sản phẩm động vật vi phạm.	động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.	
22	**Hợp nhất nhóm hành vi, bổ sung hành vi vi phạm và điều chỉnh biện pháp xử lý** **+ Hợp nhất các nhóm hành vi vào Điều 22**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định tập trung tại Điều 22 các hành vi về giết mổ động vật trên cạn, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật để kinh doanh. Trong khi đó, Nghị định 90/2017/NĐ-CP phân tán các hành vi liên quan tại Điều 20, Điều 21 và Điều 22. Như vậy, quy định mới hợp nhất phạm vi hành vi vào một điều, thay đổi cách hệ thống hóa quy định cũ. **+ Bổ sung hành vi về nước thải, chất thải và bổ sung biện pháp xử lý**:	**Điều 22. Vi phạm về giết mổ động vật trên cạn, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật để kinh doanh, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi người trực tiếp tham gia giết mổ động vật trên cạn, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật không tuân thủ quy định về sức khỏe và thực hiện các quy trình vệ sinh trong quá trình giết mổ, sơ chế, chế biến tại cơ sở nhỏ lẻ. 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Trang thiết bị, dụng cụ, nước sử dụng không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y trong quá trình giết mổ, sơ	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Điểm c khoản 4 Điều 22 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung hành vi không có biện pháp hoặc hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải bảo đảm an toàn dịch bệnh và pháp luật về bảo vệ môi trường. Nghị định 90/2017/NĐ-CP chưa quy định hành vi tương ứng trong nhóm quy định cũ. Đồng thời, khoản 13 Điều 22 bổ sung biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với một số hành vi. **+ Bổ sung hình thức đình chỉ hoạt động và điều chỉnh biện pháp xử lý**: Khoản 11 Điều 22 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung đình chỉ hoạt động cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc từ 03 tháng đến 06 tháng tùy hành vi. Trong khi đó, Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định các trường hợp đình chỉ tại khoản 12 Điều 20 và không có cách phân nhóm hoàn toàn tương ứng. Như vậy, quy định mới cơ cấu lại và mở rộng trường hợp đình chỉ. **+ Bỏ một số hành vi và tịch thu tang vật**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định một số hành vi như vận chuyển động vật chết, vận chuyển/kinh doanh sản phẩm không bảo đảm vệ sinh, kinh doanh sản phẩm không có dấu kiểm soát giết mổ và đưa nước hoặc chất khác vào động vật trước khi giết mổ theo cách quy định tại Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Đồng thời, Điều 22 không còn quy định tịch thu tang vật như các trường hợp tại khoản 12 Điều 20 của Nghị định cũ.	chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật tại cơ sở nhỏ lẻ; b) Người trực tiếp tham gia giết mổ động vật trên cạn, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật không tuân thủ quy định về sức khỏe và thực hiện các quy trình vệ sinh trong quá trình giết mổ, sơ chế, chế biến tại cơ sở tập trung; 3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không lập sổ sách, ghi chép, lưu giữ thông tin để truy xuất nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật. 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Giết mổ động vật trên cạn trong Danh mục động vật thuộc diện phải kiểm soát giết mổ nhưng không được cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm soát giết mổ trừ các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ ở khu vực hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; b) Trang thiết bị, dụng cụ, nước sử dụng không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y trong quá trình giết mổ, sơ chế, chế biến tại cơ sở tập trung;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	+ Tăng mức phạt đối với hành vi giết mổ động vật sử dụng thuốc an thần: Khoản 10 Điều 22 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định phạt từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi giết mổ động vật để làm thực phẩm mà động vật bị sử dụng thuốc an thần không đúng hướng dẫn hoặc có chứa chất cấm. Trong khi đó, khoản 10 Điều 20 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định mức phạt từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi tương ứng. Như vậy, mức phạt tăng 10.000.000 đồng ở cả mức tối thiểu và tối đa. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 22 Nghị định 204/2026/NĐ-CP hợp nhất nhóm hành vi, bổ sung hành vi về nước thải, chất thải và một số biện pháp xử lý, đồng thời loại bỏ một số hành vi và hình thức tịch thu tang vật.	c) Không có biện pháp hoặc không có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải bảo đảm an toàn dịch bệnh và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành yêu cầu của nhân viên thú y về xử lý động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y tại cơ sở giết mổ. 6. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi giết mổ động vật tại địa điểm không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. 7. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi giết mổ động vật, thu hoạch động vật thủy sản, sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm trước thời gian ngừng sử dụng thuốc thú y không theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất. 8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi ngâm, tẩm sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm bằng hóa chất không được phép sử dụng hoặc có hàm lượng vượt mức giới hạn cho phép theo quy định của pháp luật. 9. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:	

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
P.301, tầng 03, 63 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng, Tp. Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
146 Hoàng Hoa Thám, P. Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Luatsugialai.vn

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		a) Sơ chế, chế biến sản phẩm động vật có chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y; b) Giết mổ động vật mắc bệnh, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục các bệnh cấm giết mổ, chữa bệnh theo quy định. 10. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Giết mổ động vật để làm thực phẩm mà động vật đó bị sử dụng thuốc an thần không theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; b) Giết mổ động vật có chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, thú y. 11. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 7, 8 và 9 Điều này; b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 10 Điều này. 12. Biện pháp khắc phục hậu quả:	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		a) Buộc xử lý nhiệt và chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc tiêu hủy sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, các khoản 6, 7 và 8 Điều này; b) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 5, 9 và 10 Điều này; c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này.	
23	**Mở rộng phạm vi điều chỉnh, bổ sung hành vi và biện pháp xử lý trong vận chuyển, kinh doanh** **+ Mở rộng phạm vi từ vận chuyển sang cả kinh doanh**: Điều 23 Nghị định 204/2026/NĐ-CP điều chỉnh cả hành vi vận chuyển và kinh doanh động vật, sản phẩm động vật. Trong khi đó, Điều 23 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chủ yếu quy định về vệ sinh thú y trong vận chuyển. Như vậy, quy định mới mở rộng đối tượng và hoạt động chịu xử phạt. **+ Bổ sung hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh và truy xuất nguồn gốc**: Điểm b, điểm c khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung các hành vi liên quan đến vệ sinh vật dụng, khử trùng, tiêu độc, kho và thiết bị bảo quản; đồng thời xử phạt việc không lập sổ sách, ghi chép, lưu giữ	**Điều 23. Vi phạm vệ sinh thú y trong vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Vận chuyển động vật, sản phẩm động vật bằng phương tiện không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y; b) Phương tiện bày bán, vật dụng chứa đựng lưu giữ, bảo quản, buôn bán sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y; c) Cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật không thực hiện vệ sinh vật dụng trước và sau khi bán hoặc không khử trùng, tiêu độc định kỳ.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	thông tin để truy xuất nguồn gốc. Nghị định 90/2017/NĐ-CP tại Điều 23 không quy định các hành vi kinh doanh và truy xuất nguồn gốc này. **+ Bổ sung các hành vi đối với sản phẩm chứa chất cấm, mang mầm bệnh và thuốc an thần**: Khoản 3, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 23 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định riêng các hành vi vận chuyển, kinh doanh sản phẩm không bảo đảm vệ sinh thú y, ngâm tẩm hóa chất, kinh doanh sản phẩm chứa chất cấm hoặc mang mầm bệnh và vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm liên quan đến thuốc an thần, chất cấm. Đây là phạm vi xử lý được quy định cụ thể hơn so với Điều 23 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. **+ Bổ sung đình chỉ hoạt động và các biện pháp khắc phục hậu quả**: Khoản 8 Điều 23 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc từ 03 tháng đến 06 tháng; khoản 9 bổ sung các biện pháp kiểm tra vệ sinh thú y, xử lý nhiệt, chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc tiêu hủy, buộc tiêu hủy và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp. Nghị định 90/2017/NĐ-CP không quy định đầy đủ các biện pháp này tại Điều 23. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 23 Nghị định 204/2026/NĐ-CP mở rộng phạm vi xử phạt từ vận chuyển	2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không lập sổ sách, ghi chép, lưu giữ thông tin để truy xuất nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật; b) Không thu gom, xử lý nước thải, chất thải trong quá trình vận chuyển động vật, sản phẩm động vật bảo đảm an toàn dịch bệnh và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; c) Cơ sở kinh doanh sử dụng kho, thiết bị bảo quản sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y. 3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển động vật chết, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm để kinh doanh. 4. Phạt tiền từ 60% đến 70% giá trị sản phẩm động vật nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển, kinh doanh thịt gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm không có dấu kiểm soát giết mổ, tem vệ sinh thú y, bao bì đánh dấu đã qua kiểm tra vệ sinh thú y. 5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi ngâm, tẩm sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm bằng hóa chất không được phép sử dụng	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	sang cả kinh doanh, bổ sung nhiều hành vi và biện pháp xử lý, đồng thời cơ cấu lại các trường hợp đình chỉ hoạt động.	hoặc có hàm lượng vượt mức giới hạn cho phép theo quy định của pháp luật. 6. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Kinh doanh sản phẩm động vật có chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y; b) Kinh doanh sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật cấm giết mổ, chữa bệnh theo quy định. 7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật để làm thực phẩm mà động vật đó bị sử dụng thuốc an thần không theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; b) Vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi, thú y. 8. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này;	

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
P.301, tầng 03, 63 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng, Tp. Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
146 Hoàng Hoa Thám, P. Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Luatsugialai.vn

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này. 9. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc phải kiểm tra vệ sinh thú y sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này. Trong trường hợp kiểm tra vệ sinh thú y không đạt yêu cầu buộc phải tiêu hủy hoặc xử lý nhiệt chuyển đổi mục đích sử dụng sản phẩm động vật; b) Buộc xử lý nhiệt chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc tiêu hủy sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này; c) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 6 và 7 Điều này; d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này.	
24	**Điều chỉnh mức phạt và bổ sung yêu cầu đối với chợ kinh doanh, cơ sở thu gom động vật** **+ Giảm mức phạt đối với chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ**: Khoản 1 Điều 24 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định phạt từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với chợ	**Điều 24. Vi phạm vệ sinh thú y đối với chợ kinh doanh động vật, cơ sở thu gom động vật, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ không có nơi thu gom, xử lý nước thải, chất thải.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	kinh doanh động vật nhỏ lẻ không có nơi thu gom, xử lý nước thải, chất thải. Khoản 1 Điều 24 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định mức phạt từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tương ứng. Như vậy, mức phạt giảm 1.000.000 đồng ở cả mức tối thiểu và tối đa. **+ Giảm mức phạt đối với cơ sở thu gom động vật**: Khoản 2 Điều 24 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định mức phạt từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với các hành vi về địa điểm, khu vực riêng biệt, trang thiết bị, dụng cụ, nước và xử lý nước thải, chất thải. Khoản 2 Điều 24 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định mức phạt từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với các hành vi tương ứng. Như vậy, mức phạt giảm 1.000.000 đồng ở cả hai mức. **+ Bổ sung hành vi về thu gom, xử lý nước thải, chất thải**: Điểm d khoản 2 và điểm đ khoản 3 Điều 24 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung yêu cầu cơ sở thu gom và chợ chuyên kinh doanh động vật phải có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải bảo đảm an toàn dịch bệnh và pháp luật về bảo vệ môi trường. Nghị định 90/2017/NĐ-CP chưa quy định nội dung tương ứng theo cách cụ thể này. **+ Bổ sung và làm rõ yêu cầu về địa điểm cơ sở thu gom**:	2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cơ sở thu gom động vật có một trong các hành vi sau đây: a) Địa điểm không cách biệt với khu dân cư, khu vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, các công trình công cộng; b) Không có khu vực riêng biệt đối với từng loài động vật; c) Sử dụng trang thiết bị, dụng cụ, nước không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y; d) Không có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải bảo đảm an toàn dịch bệnh và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chợ chuyên kinh doanh động vật có một trong các hành vi sau đây: a) Địa điểm không theo quy hoạch của chính quyền địa phương; b) Không có khu vực riêng biệt đối với từng loài động vật; c) Sử dụng trang thiết bị, dụng cụ, nước không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định địa điểm cơ sở thu gom phải cách biệt với khu dân cư, khu vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và công trình công cộng. Trong khi đó, điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định "địa điểm không theo quy định về khoảng cách đối với khu dân cư, khu vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản". Như vậy, quy định mới cụ thể hóa và mở rộng phạm vi khu vực phải cách biệt. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 24 Nghị định 204/2026/NĐ-CP giảm mức phạt đối với chợ kinh doanh và cơ sở thu gom động vật, đồng thời bổ sung, cụ thể hóa các yêu cầu về địa điểm và thu gom, xử lý nước thải, chất thải.	d) Không thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc theo quy định; đ) Không có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải bảo đảm an toàn dịch bệnh và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	
25	**Điều chỉnh hành vi vi phạm, bổ sung yêu cầu về địa điểm và xử lý nước thải, chất thải** **+ Bỏ hành vi xét nghiệm, chẩn đoán, phẫu thuật tại địa điểm không bảo đảm vệ sinh thú y**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định hành vi này tại Điều 25; trong khi khoản 1 Điều 26 Nghị định 90/2017/NĐ-CP xử phạt hành vi xét nghiệm, chẩn đoán, phẫu thuật động vật tại địa điểm không bảo đảm vệ sinh thú y, với mức phạt từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Như vậy, hành vi theo cách quy định cũ được loại bỏ. **+ Bổ sung hành vi cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán không cách biệt với khu dân cư, công trình công cộng**:	**Điều 25. Vi phạm vệ sinh thú y đối với cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán, phẫu thuật động vật, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật không cách biệt với khu dân cư, công trình công cộng. 2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không có cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất phù hợp;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Khoản 1 Điều 25 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung hành vi cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật không cách biệt với khu dân cư, công trình công cộng, phạt từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Nghị định 90/2017/NĐ-CP chưa quy định hành vi này tại Điều 26. **+ Bổ sung hành vi về thu gom, xử lý nước thải, chất thải**: Điểm c khoản 2 Điều 25 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung hành vi không có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải bảo đảm an toàn dịch bệnh và pháp luật về bảo vệ môi trường, phạt từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Nghị định 90/2017/NĐ-CP không có quy định tương ứng tại Điều 26. **+ Thu hẹp đối tượng của yêu cầu nơi riêng biệt để nuôi giữ động vật**: Điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định "không có nơi riêng biệt để nuôi giữ động vật đối với cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật". Trong khi đó, điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định không có nơi riêng biệt để nuôi giữ động vật theo phạm vi rộng hơn. Như vậy, quy định mới xác định cụ thể đối tượng áp dụng. **+ Bổ sung đình chỉ hoạt động**:	b) Không có nơi riêng biệt để nuôi giữ động vật đối với cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; c) Không có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải bảo đảm an toàn dịch bệnh và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Khoản 3 Điều 25 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi tại khoản 2. Khoản 3 Điều 26 Nghị định 90/2017/NĐ-CP cũng quy định đình chỉ nhưng đối tượng hành vi được dẫn chiếu theo cấu trúc cũ. Quy định mới đồng thời thay đổi nhóm hành vi làm căn cứ đình chỉ. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 25 Nghị định 204/2026/NĐ-CP loại bỏ hành vi xét nghiệm, chẩn đoán, phẫu thuật tại địa điểm không bảo đảm vệ sinh thú y, đồng thời bổ sung và cụ thể hóa các yêu cầu về địa điểm, nơi nuôi giữ, xử lý nước thải, chất thải và đình chỉ hoạt động.		
26	**Gộp hành vi vi phạm, bỏ tịch thu Giấy phép và bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả** **+ Gộp hành vi sử dụng Giấy phép hết hiệu lực với mua bán, tẩy xóa, sửa chữa**: Khoản 1 Điều 26 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định cùng mức phạt từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy phép khảo nghiệm và sử dụng Giấy phép hết hiệu lực. Trong khi đó, Nghị định 90/2017/NĐ-CP tại Điều 28 quy định các hành vi này theo các nhóm riêng. Như vậy, quy định mới gộp hai nhóm hành vi vào cùng một khoản và cùng khung phạt. + **Bỏ hình thức tịch thu Giấy phép khảo nghiệm**:	**Điều 26. Vi phạm về thủ tục khảo nghiệm thuốc thú y, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ tài liệu liên quan đến việc khảo nghiệm thuốc thú y theo quy định. 2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Mua bán, tẩy xóa, sửa chữa Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y; b) Sử dụng Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y hết hiệu lực.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định tịch thu Giấy phép khảo nghiệm đối với hành vi tại khoản 1 Điều 26; trong khi Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định tịch thu Giấy phép tại phần hình thức xử phạt bổ sung của Điều 28. Như vậy, hình thức tịch thu được loại bỏ. **+ Bổ sung biện pháp buộc nộp lại Giấy phép và số lợi bất hợp pháp**: Điểm a khoản 4 Điều 26 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định buộc nộp lại Giấy phép đối với hành vi tại khoản 1; đồng thời khoản 3 Điều 26 quy định phạt từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy phép và áp dụng biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp. Nghị định 90/2017/NĐ-CP không quy định đầy đủ các biện pháp này theo cấu trúc tương ứng. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 26 Nghị định 204/2026/NĐ-CP gộp một số hành vi, loại bỏ hình thức tịch thu Giấy phép khảo nghiệm và bổ sung biện pháp buộc nộp lại Giấy phép, số lợi bất hợp pháp.	3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.	
27	**Thu hẹp điều kiện, tách hành vi vi phạm và tăng mức phạt đối với cơ sở khảo nghiệm** **+ Bỏ một số điều kiện đối với cơ sở khảo nghiệm**: Điều 27 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định các điều kiện về địa điểm, hàng rào, tường bao và nguồn	**Điều 27. Vi phạm về điều kiện khảo nghiệm thuốc thú y, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi người phụ trách kỹ thuật sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y hết hiệu lực.	

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
P.301, tầng 03, 63 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng, Tp. Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
146 Hoàng Hoa Thám, P. Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Luatsugialai.vn

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	nước sạch như quy định tại Điều 29 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Như vậy, phạm vi điều kiện bị xử phạt được thu hẹp. **+ Tách hành vi không có Chứng chỉ và sử dụng Chứng chỉ hết hiệu lực**: Điểm d khoản 2 Điều 27 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định hành vi người phụ trách kỹ thuật không có Chứng chỉ hành nghề thú y với mức phạt từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng; hành vi sử dụng Chứng chỉ hết hiệu lực được quy định tại khoản 1 với mức phạt từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Trong khi đó, Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định các hành vi này trong cùng nhóm tại Điều 29 với mức phạt thấp hơn. Như vậy, quy định mới tách hành vi và áp dụng mức phạt khác nhau. **+ Tăng mức phạt đối với điều kiện cơ sở vật chất và động vật khảo nghiệm**: Các điểm a, b, c khoản 2 Điều 27 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định mức phạt từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với các hành vi không đủ diện tích chuồng, ao, bể; không đủ loại, số lượng động vật; không có nơi riêng biệt để nuôi động vật thí nghiệm. Trong khi đó, Điều 29 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định mức phạt từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với nhóm hành vi tương ứng. Như vậy, mức phạt tăng gấp đôi ở cả mức tối thiểu và tối đa.	2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không có đủ diện tích chuồng, ao, bể nuôi để bố trí động vật bảo đảm kết quả khảo nghiệm; b) Không có đủ loại động vật, đủ số lượng đáp ứng được việc khảo nghiệm; c) Không có nơi riêng biệt để nuôi động vật thí nghiệm; d) Người phụ trách kỹ thuật không có Chứng chỉ hành nghề thú y. 3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của cơ sở khảo nghiệm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	+ Bổ sung đình chỉ hoạt động: Khoản 3 Điều 27 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung đình chỉ hoạt động cơ sở khảo nghiệm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi tại các điểm a, b, c khoản 2. Đây là hình thức xử phạt được quy định cụ thể lại theo nhóm hành vi của Điều 27. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 27 Nghị định 204/2026/NĐ-CP thu hẹp một số điều kiện bị xử phạt, tách hành vi vi phạm, tăng mức phạt đối với nhiều điều kiện cơ sở khảo nghiệm và bổ sung đình chỉ hoạt động.		
28	**Tách hành vi, tăng mức phạt đối với điều kiện kiểm nghiệm và bỏ một số điều kiện** **+ Tách hành vi không có Chứng chỉ hành nghề thú y**: Khoản 2 Điều 28 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định riêng hành vi người quản lý hoặc trực tiếp kiểm nghiệm không có Chứng chỉ hành nghề thú y, phạt từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Trong khi đó, Điều 30 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định chung hành vi không có Chứng chỉ hoặc Chứng chỉ hết hiệu lực với mức phạt từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Như vậy, hành vi không có Chứng chỉ được tách riêng và tăng mức phạt. **+ Tăng mức phạt đối với hành vi sử dụng Chứng chỉ hết hiệu lực**:	**Điều 28. Vi phạm về điều kiện kiểm nghiệm thuốc thú y, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Địa điểm không cách biệt khu dân cư, công trình công cộng; b) Người quản lý hoặc trực tiếp kiểm nghiệm có Chứng chỉ hành nghề thú y hết hiệu lực. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi người quản lý hoặc trực tiếp kiểm nghiệm không có Chứng chỉ hành nghề thú y. 3. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Điểm b khoản 1 Điều 28 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định hành vi sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y hết hiệu lực với mức phạt từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; trong khi Điều 30 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định hành vi tương ứng trong cùng nhóm với mức phạt từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Như vậy, mức phạt tăng 4.000.000 đồng ở cả mức tối thiểu và tối đa. **+ Tăng mức phạt đối với điều kiện cơ sở vật chất**: Khoản 3 Điều 28 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định phạt từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với các vi phạm về trang thiết bị, nơi nuôi giữ động vật thí nghiệm và khu thử cường độc riêng biệt. Trong khi đó, Điều 30 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định mức phạt từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với nhóm hành vi tương ứng. Như vậy, mức phạt tăng 6.000.000 đồng ở mức tối thiểu và tối đa. **+ Bỏ một số điều kiện và bổ sung đình chỉ hoạt động**: Điều 28 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định yêu cầu về phòng nuôi động vật bảo đảm an toàn sinh học đối với vắc-xin có tác nhân gây bệnh độc lực cao và trang thiết bị chuyên dùng giữ giống vi sinh vật như Điều 30 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Đồng thời, khoản 4 Điều 28 bổ sung đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi tại khoản 3.	a) Không có hoặc có trang thiết bị máy móc, dụng cụ không bảo đảm cho việc lấy mẫu, phân tích, hiệu chỉnh và xử lý dữ liệu; b) Không có nơi nuôi giữ động vật thí nghiệm; c) Không có khu thử cường độc riêng biệt đối với vắc-xin, vi sinh vật. 4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Như vậy, so với quy định cũ, Điều 28 Nghị định 204/2026/NĐ-CP tách hành vi về Chứng chỉ hành nghề thú y, tăng mức phạt đối với điều kiện kiểm nghiệm và loại bỏ một số điều kiện, đồng thời bổ sung đình chỉ hoạt động.		
29	**Bổ sung hành vi vi phạm và tăng mức phạt đối với hồ sơ, thông tin đăng ký lưu hành** **+ Bổ sung hành vi vi phạm về hồ sơ sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP tại các khoản quy định về hồ sơ sản xuất của Điều 29 bổ sung hành vi không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ, hủy hồ sơ không đúng quy định và không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ kết quả sản xuất, với mức phạt từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Nghị định 90/2017/NĐ-CP tại Điều 31 chưa quy định các hành vi này. **+ Tăng mức phạt đối với hành vi không có hồ sơ lô sản xuất**: Điều 29 Nghị định 204/2026/NĐ-CP nâng mức phạt đối với hành vi không có hồ sơ lô sản xuất lên 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng; trong khi Điều 31 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định mức phạt "từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng". Như vậy, mức phạt tăng 5.000.000 đồng ở cả mức tối thiểu và tối đa.	**Điều 29. Vi phạm về thủ tục trong sản xuất thuốc thú y, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không có hồ sơ lô sản xuất; b) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ sản xuất thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất theo quy định; c) Hủy hồ sơ lưu trữ sản xuất thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất không theo quy định; d) Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ kết quả sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định. 2. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tài liệu, thông tin khai man, không trung thực trong hồ sơ đăng ký lưu hành thuốc thú y đã được xét duyệt. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	+ Tăng mức phạt và làm rõ hành vi sử dụng thông tin không trung thực: Điều 29 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định phạt từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tài liệu, thông tin khai man, không trung thực trong hồ sơ đăng ký lưu hành; trong khi Điều 31 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định mức phạt "từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng". Như vậy, mức phạt tăng và hành vi được mô tả cụ thể hơn. **+ Bỏ tịch thu giấy tờ, tài liệu và chuyển sang buộc nộp lại**: Điều 29 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định tịch thu giấy tờ, tài liệu mà áp dụng biện pháp buộc nộp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y đối với hành vi sử dụng tài liệu, thông tin khai man, không trung thực. Trong khi đó, Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định hình thức tịch thu giấy tờ, tài liệu tại Điều 31. Như vậy, biện pháp xử lý được chuyển từ tịch thu sang buộc nộp lại. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 29 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung các hành vi liên quan đến hồ sơ sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất, tăng mức phạt đối với hồ sơ và thông tin đăng ký lưu hành, đồng thời chuyển từ tịch thu sang buộc nộp lại.	Buộc nộp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
30	**Tách hành vi, tăng mức phạt và bổ sung biện pháp xử lý đối với điều kiện sản xuất, gia công, san chia thuốc thú y** **+ Tách riêng hành vi sử dụng Chứng chỉ hết hiệu lực và không có Chứng chỉ**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP tại khoản 1, khoản 2 Điều 30 tách hành vi người trực tiếp quản lý sản xuất hoặc kiểm nghiệm sử dụng Chứng chỉ hết hiệu lực, phạt từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, với hành vi không có Chứng chỉ, phạt từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Trong khi đó, Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định chung hai hành vi tại Điều 32 với mức phạt từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Như vậy, quy định mới vừa tách hành vi vừa tăng mức phạt. **+ Tăng mức phạt đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận**: Điều 30 Nghị định 204/2026/NĐ-CP tăng mức phạt đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận GMP lên 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y vào đối tượng bị xử lý. Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định mức phạt từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tương ứng.	**Điều 30. Vi phạm về điều kiện trong sản xuất, gia công, san chia thuốc thú y, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận GMP; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y; b) Người trực tiếp quản lý sản xuất hoặc kiểm nghiệm sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y hết hiệu lực. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi người trực tiếp quản lý sản xuất hoặc kiểm nghiệm không có Chứng chỉ hành nghề thú y. 3. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Địa điểm, nhà xưởng, kho thuốc không bảo đảm diện tích, khoảng cách an toàn cho người, vật nuôi và môi trường; b) Trang thiết bị không phù hợp với quy mô sản xuất, kiểm tra chất lượng đối với từng loại thuốc thú y. 4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y ngoài địa điểm đã được cấp Giấy chứng nhận GMP hoặc không áp dụng điều kiện sản xuất GMP đã được cơ quan có	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	+ Tăng mức phạt đối với địa điểm, nhà xưởng, kho và trang thiết bị: Điều 30 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định mức phạt từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với vi phạm về địa điểm, nhà xưởng, kho thuốc và trang thiết bị; trong khi Điều 32 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định mức phạt "từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng". Như vậy, mức phạt tăng 6.000.000 đồng ở cả mức tối thiểu và tối đa. **+ Bổ sung trường hợp vi phạm liên quan đến Giấy chứng nhận và số lợi bất hợp pháp**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP tại Điều 30 bổ sung các trường hợp sản xuất ngoài địa điểm được cấp, không áp dụng điều kiện GMP đã được cấp phép, sử dụng Giấy chứng nhận GMP hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hết hiệu lực; đồng thời bổ sung buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với hành vi không có Giấy chứng nhận GMP hoặc không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất. Nghị định 90/2017/NĐ-CP không quy định đầy đủ các trường hợp và biện pháp tương ứng này. **+ Bỏ tịch thu Giấy chứng nhận GMP**: Điều 30 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định tịch thu Giấy chứng nhận GMP mà áp dụng buộc nộp lại Giấy chứng nhận GMP và Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa. Trong khi đó,	thẩm quyền cấp phép hoặc Giấy chứng nhận GMP hết hiệu lực hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y hết hiệu lực. 5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy chứng nhận GMP hoặc không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y. 6. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận GMP, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 5 Điều này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Điều 32 Nghị định 90/2017/NĐ-CP có quy định tịch thu Giấy chứng nhận GMP. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 30 Nghị định 204/2026/NĐ-CP tách và tăng mức phạt đối với nhiều hành vi về điều kiện sản xuất, gia công, san chia thuốc thú y, bổ sung các trường hợp vi phạm và chuyển từ tịch thu sang buộc nộp lại Giấy chứng nhận.		
31	**Điều chỉnh mức phạt, bổ sung hành vi và thay đổi biện pháp khắc phục hậu quả trong sản xuất thuốc thú y** **+ Tăng mức phạt đối với vi phạm kiểm soát chất lượng**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP tại Điều 31 tăng mức phạt đối với hành vi không kiểm tra chất lượng, không lưu mẫu, không bảo quản riêng thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất lên 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; trong khi Điều 33 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định "từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng". Như vậy, mức phạt tăng 2.000.000 đồng ở cả mức tối thiểu và tối đa. **+ Giảm mức phạt tối đa theo giá trị lô sản phẩm**: Khoản 2, khoản 3 Điều 31 Nghị định 204/2026/NĐ-CP áp dụng mức phạt theo tỷ lệ giá trị lô sản phẩm nhưng giới hạn tối đa 50.000.000 đồng; trong khi Điều 33 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định mức tối đa đến 100.000.000 đồng	**Điều 31. Vi phạm về chất lượng trong sản xuất thuốc thú y, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không kiểm tra chất lượng nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm thuốc thú y trong quá trình sản xuất; b) Không lưu mẫu thuốc thú y; c) Không bảo quản, lưu giữ thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất riêng biệt theo quy định. 2. Phạt tiền từ 70% đến 80% giá trị lô sản phẩm vi phạm nhưng không vượt quá 100.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y: a) Không đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng về cảm quan, lý hoá, độ nhiễm khuẩn, vô khuẩn theo hồ sơ đăng ký với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	đối với các trường hợp tương ứng. Như vậy, mức trần tiền phạt được giảm một nửa. **+ Bổ sung hành vi không có hoặc thiếu hoạt chất chính**: Điều 31 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung hành vi không có hoặc thiếu hoạt chất chính ghi trên nhãn, phạt từ 80% đến 90% giá trị lô sản phẩm nhưng không quá 50.000.000 đồng. Nghị định 90/2017/NĐ-CP chưa quy định hành vi này tại Điều 33. Như vậy, đây là hành vi mới được bổ sung. **+ Điều chỉnh mức phạt đối với thay đổi thông tin, quy trình sản xuất**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định phạt từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo khi thay đổi thành phần, công thức, dạng bào chế, đường dùng, liều dùng, chỉ định điều trị, phương pháp, quy trình sản xuất; trong khi khoản 4 Điều 33 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định mức phạt từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng và chia thành các hành vi tại điểm a, điểm b. Như vậy, mức phạt giảm 2.000.000 đồng ở cả mức tối thiểu và tối đa. **+ Điều chỉnh mức phạt đối với nguyên liệu không rõ nguồn gốc**: Điều 31 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định phạt từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, thay cho mức từ	b) Có hàm lượng thuốc ngoài mức giới hạn cho phép ±10% so với hàm lượng ghi trên nhãn hoặc có hàm lượng men vi sinh thấp hơn 90% so với hàm lượng ghi trên nhãn đối với sản phẩm thuốc thú y có chứa men vi sinh; c) Có khối lượng tịnh, thể tích thực ngoài mức giới hạn cho phép so với khối lượng, thể tích ghi trên nhãn mà nhà sản xuất đã đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 3. Phạt tiền từ 80% đến 90% giá trị lô sản phẩm vi phạm nhưng không vượt quá 100.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y: a) Có hoạt chất không đúng theo hồ sơ đăng ký lưu hành với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; b) Bị biến đổi về hình thức như vón cục, vẩn đục, biến đổi màu, lắng cặn, phân lớp, biến dạng; c) Vắc-xin thú y không bảo đảm một trong ba tiêu chuẩn vô trùng hoặc thuần khiết, an toàn, hiệu lực. 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Sản xuất, san chia, gia công thuốc thú y không thông báo với cơ quan có thẩm quyền khi thay đổi thành phần, công thức, dạng bào chế;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng tại Điều 33 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Như vậy, mức phạt tối thiểu giảm 2.000.000 đồng, mức tối đa giữ nguyên. **+ Thu hẹp một số trường hợp xử phạt đối với thuốc không được phép lưu hành và thuốc cấm**: Điều 31 Nghị định 204/2026/NĐ-CP chỉ quy định các mức phạt trong phạm vi giá trị thuốc hoặc mức thu lợi tương ứng được nêu tại điều; trong khi Điều 33 Nghị định 90/2017/NĐ-CP còn quy định các mức phạt cao hơn đối với trường hợp giá trị hoặc thu lợi bất chính vượt ngưỡng và trường hợp có quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Như vậy, một số trường hợp xử phạt cao hơn theo quy định cũ không còn được quy định tại Điều 31. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 31 Nghị định 204/2026/NĐ-CP điều chỉnh theo hướng giảm mức phạt ở một số hành vi, bổ sung hành vi không có hoặc thiếu hoạt chất chính và thu hẹp một số trường hợp áp dụng mức phạt cao hơn.	b) Thay đổi đường dùng, liều dùng, chỉ định điều trị, phương pháp, quy trình sản xuất của thuốc thú y. 5. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y bằng nguyên liệu không rõ nguồn gốc xuất xứ. 6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Sản xuất mỗi loại thuốc thú y trên dây chuyền GMP chưa được cấp phép; b) Sử dụng mỗi loại nguyên liệu thuốc thú y sai mục đích. 7. Phạt tiền đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép như sau: a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị dưới 200.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 100.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án. 8. Phạt tiền đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam như sau: a) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam có giá trị dưới 100.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính có giá trị dưới 50.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án. 9. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 7 và 8 Điều này. 10. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc thu hồi, tái chế thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này. Trong trường hợp không tái chế được, buộc phải tiêu hủy thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; b) Buộc thu hồi, tiêu hủy thuốc thú y, vắc-xin dùng trong thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều này; c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, khoản 5, điểm a khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều này.	
32	**Bổ sung yêu cầu lưu trữ hồ sơ và thu hẹp, bãi bỏ một số hành vi vi phạm trong buôn bán thuốc thú y**	**Điều 32. Vi phạm về thủ tục trong buôn bán thuốc thú y, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.**	

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
P.301, tầng 03, 63 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng, Tp. Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
146 Hoàng Hoa Thám, P. Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Luatsugialai.vn

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	+ Bổ sung yêu cầu lưu trữ hóa đơn, đơn thuốc đối với thuốc chứa chất ma túy, tiền chất: Điều 32 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung hành vi không lưu trữ hóa đơn liên quan đến mua bán và đơn thuốc đối với thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất tại cơ sở sau khi bán. Nghị định 90/2017/NĐ-CP tại Điều 34 có quy định về lưu trữ nhưng phạm vi mô tả rộng hơn và không xác định theo cách cụ thể như quy định mới. **+ Thu hẹp hành vi vi phạm về niêm yết giá**: Điều 32 Nghị định 204/2026/NĐ-CP chỉ xử phạt hành vi không niêm yết giá bán thuốc thú y; trong khi Điều 34 Nghị định 90/2017/NĐ-CP còn xử phạt niêm yết không đầy đủ mặt hàng và bán không đúng giá niêm yết. Như vậy, phạm vi hành vi bị xử phạt được thu hẹp. **+ Bỏ hành vi không có đơn đối với thuốc thú y phải kê đơn**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định hành vi này tại Điều 32; trong khi điểm c khoản 1 Điều 34 Nghị định 90/2017/NĐ-CP xử phạt hành vi không có đơn đối với thuốc thú y phải kê đơn, với mức phạt từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Như vậy, hành vi này được bỏ khỏi quy định mới. **+ Bỏ hành vi không bảo quản, lưu giữ riêng thuốc chứa chất ma túy, tiền chất**:	1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không có sổ sách, hoá đơn chứng từ theo dõi xuất, nhập hàng; b) Không niêm yết giá bán thuốc thú y; niêm yết không đầy đủ mặt hàng thuốc thú y; bán không đúng giá niêm yết; c) Không có đơn đối với thuốc thú y phải kê đơn theo quy định; d) Không lưu trữ hóa đơn liên quan đến việc mua bán thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; đơn thuốc thú y tại cơ sở sau khi bán theo quy định. 2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Buôn bán thuốc thú y không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi thay đổi địa điểm; b) Không bảo quản lưu giữ thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất riêng biệt theo quy định; c) Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ số lượng thuốc thú y chứa chất ma túy, tiền chất đã nhập, bán, số lượng thuốc phải thu hồi, địa chỉ cơ sở mua, mục đích sử dụng cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định hành vi này tại Điều 32; trong khi điểm b khoản 2 Điều 34 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định phạt từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Như vậy, hành vi được bỏ khỏi quy định mới. **+ Bỏ hành vi không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định hành vi không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ số lượng thuốc chứa chất ma túy, tiền chất tại Điều 32; trong khi điểm c khoản 2 Điều 34 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định phạt từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Như vậy, hành vi này không còn là hành vi bị xử phạt tại Điều 32. **+ Thu hẹp nhóm hành vi tại khoản 2**: Khoản 2 Điều 32 Nghị định 204/2026/NĐ-CP chỉ còn quy định hành vi buôn bán thuốc thú y không thông báo khi thay đổi địa điểm. Trong khi đó, khoản 2 Điều 34 Nghị định 90/2017/NĐ-CP còn bao gồm các hành vi bảo quản, lưu giữ và báo cáo thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất. Như vậy, phạm vi hành vi tại khoản 2 được thu hẹp. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 32 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung yêu cầu lưu trữ hồ sơ nhưng thu hẹp đáng kể phạm vi hành vi bị xử phạt trong hoạt động buôn bán thuốc thú y, trong đó không còn một số hành vi		

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	liên quan đến thuốc phải kê đơn và thuốc chứa chất ma túy, tiền chất.		
33	**Điều chỉnh mức phạt, gộp hành vi về Chứng chỉ, thay đổi điều kiện bảo quản và biện pháp xử lý trong buôn bán thuốc thú y** **+ Tăng mức phạt đối với điều kiện về địa điểm, kho chứa, trang thiết bị**: Khoản 1 Điều 33 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định phạt từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không đủ điều kiện về địa điểm, kho chứa, trang thiết bị bảo quản thuốc thú y; trong khi khoản 1 Điều 35 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định "từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng". Như vậy, mức phạt tối thiểu tăng 1.000.000 đồng, mức tối đa giữ nguyên. **+ Gộp hành vi không có Chứng chỉ và sử dụng Chứng chỉ hết hiệu lực**: Khoản 1 Điều 33 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định cùng mức phạt từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y không có Chứng chỉ hoặc sử dụng Chứng chỉ hết hiệu lực. Trong khi đó, khoản 1 Điều 35 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định hành vi không có Chứng chỉ với mức 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, còn điểm đ khoản 2 quy định sử dụng Chứng chỉ hết hiệu lực với mức 4.000.000 đồng đến	**Điều 33. Vi phạm về điều kiện trong buôn bán thuốc thú y, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không đủ điều kiện về địa điểm, kho chứa, trang thiết bị bảo quản thuốc thú y theo quy định; b) Bán thuốc thú y chung khu vực hoá chất công nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc dùng cho người, lương thực, thực phẩm. 2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi buôn bán vắc-xin, chế phẩm sinh học: a) Không có trang thiết bị, máy phát điện dự phòng để bảo quản theo điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm; b) Không có nhiệt kế, ẩm kế để kiểm tra điều kiện bảo quản; c) Sử dụng vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vắc-xin không bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	5.000.000 đồng. Như vậy, quy định mới gộp hai hành vi và áp dụng một khung phạt thấp hơn. **+ Thay đổi điều kiện bảo quản vắc-xin, chế phẩm sinh học**: Khoản 2 Điều 33 Nghị định 204/2026/NĐ-CP yêu cầu tủ lạnh, tủ mát hoặc kho lạnh và nhiệt kế để bảo quản theo điều kiện ghi trên nhãn. Trong khi đó, khoản 2 Điều 35 Nghị định 90/2017/NĐ-CP yêu cầu trang thiết bị, máy phát điện dự phòng, nhiệt kế, ẩm kế và phương tiện vận chuyển bảo đảm điều kiện ghi trên nhãn. Như vậy, quy định mới thay đổi và cụ thể hóa nhóm thiết bị bảo quản. **+ Tăng mức phạt đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán hết hiệu lực**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định mức phạt từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y hết hiệu lực; trong khi Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định mức từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi tương ứng. Như vậy, mức phạt tăng 4.000.000 đồng ở mức tối thiểu và 7.000.000 đồng ở mức tối đa. **+ Bỏ tịch thu Giấy chứng nhận và chuyển sang buộc nộp lại**: Điều 33 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định tịch thu Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán mà áp dụng	d) Tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y; đ) Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y hết hiệu lực. 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Buôn bán thuốc thú y không có cửa hàng địa điểm cố định; b) Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y không có Chứng chỉ hành nghề thú y. 4. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Tự ý san chia mỗi loại thuốc thú y không được phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền; b) Sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán hết hiệu lực. 5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y. 6. Biện pháp khắc phục hậu quả:	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	buộc nộp lại Giấy chứng nhận đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa. Trong khi đó, Nghị định 90/2017/NĐ-CP vừa quy định tịch thu, vừa quy định buộc nộp lại tại Điều 35. Như vậy, hình thức tịch thu được loại bỏ. **+ Bỏ biện pháp buộc thu hồi, tiêu hủy đối với hành vi tự ý san chia**: Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định buộc thu hồi, tiêu hủy thuốc thú y đối với hành vi tự ý san chia tại Điều 35; trong khi Điều 33 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định biện pháp này. Như vậy, biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng được bỏ. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 33 Nghị định 204/2026/NĐ-CP gộp một số hành vi, điều chỉnh điều kiện bảo quản, tăng mức phạt đối với Giấy chứng nhận hết hiệu lực, đồng thời loại bỏ hình thức tịch thu và một số biện pháp thu hồi, tiêu hủy.	a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều này; b) Buộc thu hồi, tiêu hủy thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.	
34	**Bổ sung hành vi, điều chỉnh nhóm hành vi và thay đổi mức phạt trong buôn bán thuốc thú y không đạt chất lượng** **+ Bổ sung hành vi không có hoặc thiếu hoạt chất chính**: Điều 34 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung hành vi không có hoạt chất hoặc thiếu hoạt chất chính ghi trên nhãn, phạt từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Nghị định	**Điều 34. Vi phạm về chất lượng trong buôn bán thuốc thú y, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y: a) Không đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng về cảm quan, lý hóa, độ nhiễm khuẩn, vô khuẩn theo hồ sơ đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	90/2017/NĐ-CP tại Điều 36 chưa quy định hành vi này. Như vậy, đây là hành vi vi phạm mới được bổ sung. **+ Điều chỉnh nhóm và vị trí các hành vi vi phạm về chất lượng**: Khoản 1, khoản 2 Điều 34 Nghị định 204/2026/NĐ-CP sắp xếp lại các hành vi về tiêu chuẩn chất lượng, hàm lượng thuốc ngoài giới hạn cho phép, khối lượng tịnh, thể tích thực và thuốc bị biến đổi về hình thức. Trong khi đó, các hành vi tương ứng được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 36 Nghị định 90/2017/NĐ-CP nhưng cách phân nhóm khác. Như vậy, quy định mới chủ yếu điều chỉnh cách hệ thống hóa và vị trí hành vi. **+ Mở rộng phạm vi buộc thu hồi, tái chế**: Khoản 1 Điều 34 Nghị định 204/2026/NĐ-CP mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp buộc thu hồi, tái chế đối với nhóm hành vi thuộc khoản 1. Trong khi đó, Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ áp dụng biện pháp này đối với hành vi tại điểm c khoản 1 Điều 36. Như vậy, phạm vi biện pháp khắc phục hậu quả được mở rộng. **+ Điều chỉnh mức phạt đối với thuốc thú y không được phép lưu hành**: Điều 34 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định phạt từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với thuốc không có trong Danh mục được phép lưu hành hoặc chưa được cơ	b) Bị biến đổi về hình thức như vón cục, vẩn đục, biến đổi màu, lắng cặn, phân lớp, biến dạng; c) Có khối lượng tịnh, thể tích thực ngoài mức giới hạn cho phép so với khối lượng, thể tích ghi trên nhãn mà nhà sản xuất đã đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y: a) Có hoạt chất không đúng theo hồ sơ đăng ký lưu hành với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; b) Có hàm lượng thuốc ngoài mức giới hạn cho phép ±10% so với hàm lượng ghi trên nhãn hoặc có hàm lượng men vi sinh thấp hơn 90% so với hàm lượng ghi trên nhãn đối với sản phẩm thuốc thú y có chứa men vi sinh; c) Vắc-xin thú y không đảm bảo một trong các tiêu chuẩn vô trùng hoặc thuần khiết, an toàn, hiệu lực. 3. Phạt tiền đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép như sau: a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y không có	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	quan có thẩm quyền cho phép, có giá trị dưới 200.000.000 đồng. Trong khi đó, Điều 36 Nghị định 90/2017/NĐ-CP còn quy định mức từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp giá trị từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp luật định. Nghị định mới không còn quy định trường hợp mức phạt cao hơn này. **+ Tăng mức phạt đối với thuốc thú y cấm sử dụng có giá trị dưới 100 triệu đồng**: Điều 34 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định phạt từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán thuốc thú y cấm sử dụng có giá trị dưới 100.000.000 đồng. Trong khi đó, Điều 36 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định mức từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp tương ứng. Như vậy, mức phạt tăng 5.000.000 đồng ở mức tối thiểu và 10.000.000 đồng ở mức tối đa. **+ Bỏ trường hợp áp dụng mức phạt cao hơn đối với thuốc cấm có giá trị từ 100 triệu đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50 triệu đồng**: Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định mức phạt từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp thuốc có giá trị từ 100.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng trong điều kiện tố tụng hình sự nhất định. Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định riêng	Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị dưới 200.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 100.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Bán mỗi loại nguyên liệu thuốc thú y cho cơ sở không đủ điều kiện theo quy định; b) Bán mỗi loại nguyên liệu thuốc thú y hoặc mỗi loại nguyên liệu thuốc y tế hoặc mỗi loại thuốc y tế cho cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; c) Bán mỗi loại thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cho cơ sở buôn bán thuốc thú y không có Giấy	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	trường hợp này tại Điều 34. Như vậy, một nhóm trường hợp xử phạt cao hơn theo quy định cũ được loại bỏ. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 34 Nghị định 204/2026/NĐ-CP điều chỉnh cách tính và mức phạt đối với thuốc thú y không đạt chất lượng, tăng mức phạt đối với một số trường hợp và loại bỏ một số ngưỡng xử phạt cao hơn theo quy định cũ.	chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y theo quy định; cơ sở không được phép hành nghề khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật; người sử dụng không có đơn thuốc thú y theo quy định. 5. Phạt tiền đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam như sau: a) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam có giá trị dưới 100.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính có giá trị dưới 50.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án. 6. Hình thức xử phạt bổ sung:	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này. 7. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc thu hồi, tái chế thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; b) Buộc thu hồi, tiêu hủy thuốc thú y; vắc-xin dùng trong thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều này; c) Buộc tiêu hủy thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này; d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3, điểm c khoản 4 và khoản 5 Điều này.	
35	**Bổ sung trường hợp vi phạm, điều chỉnh đối tượng giấy phép nhập khẩu và biện pháp khắc phục hậu quả** **+ Bổ sung hành vi nhập khẩu thuốc thú y không có trong Danh mục được phép lưu hành**: Điểm a khoản 2 Điều 35 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung hành vi nhập khẩu mỗi loại thuốc thú y không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, với mức phạt từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Trong	**Điều 35. Vi phạm về thủ tục trong nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	khi đó, điểm a khoản 2 Điều 37 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định hành vi nhập khẩu thuốc không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc không có văn bản chấp thuận. Như vậy, quy định mới thay đổi và cụ thể hóa căn cứ xác định thuốc được phép nhập khẩu. **+ Cụ thể hóa giấy phép nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc thú y**: Điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc thú y không có giấy phép của Cục Thú y. Trong khi đó, điểm b khoản 2 Điều 37 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định nhập khẩu nguyên liệu thuốc thú y không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Như vậy, quy định mới xác định cụ thể cơ quan cấp phép và điều chỉnh thuật ngữ từ "nguyên liệu thuốc thú y" sang "nguyên liệu làm thuốc thú y". **+ Bỏ hành vi nhập khẩu vắc-xin đã có Giấy chứng nhận lưu hành nhưng không có giấy phép nhập khẩu**: Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định riêng hành vi này tại Điều 37; Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định riêng tại Điều 35. Như vậy, hành vi được xử lý theo cơ cấu hành vi mới nếu thuộc trường hợp được quy định tại Điều 35. **+ Điều chỉnh biện pháp khắc phục hậu quả**:	a) Không có sổ sách, hóa đơn chứng từ, hồ sơ kiểm soát chất lượng và theo dõi xuất, nhập khẩu đối với từng loại thuốc; b) Không lưu giữ tài liệu có liên quan đến từng lô thuốc thú y theo quy định. 2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Nhập khẩu mỗi loại thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc không có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền; b) Nhập khẩu mỗi loại nguyên liệu thuốc thú y không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; c) Nhập khẩu nguyên liệu thuốc thú y không đúng chủng loại đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; d) Nhập khẩu mỗi loại thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất không có giấy phép nhập khẩu của cơ quan có thẩm quyền; đ) Nhập khẩu mỗi loại vắc-xin có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam nhưng không có giấy phép nhập khẩu của cơ quan có thẩm quyền. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Điều 35 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định "buộc tái xuất hoặc tiêu hủy thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y"; trường hợp không tái xuất được thì buộc thu hồi, tiêu hủy. Trong khi đó, Điều 37 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định buộc tái xuất hoặc tiêu hủy thuốc thú y, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất và nguyên liệu thuốc thú y nhưng chưa quy định riêng trường hợp không tái xuất được thì buộc thu hồi, tiêu hủy. Như vậy, quy định mới bổ sung phương án xử lý cụ thể. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 35 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung và cụ thể hóa các trường hợp vi phạm về nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y, đồng thời điều chỉnh và bổ sung phương án tái xuất, tiêu hủy, thu hồi.	Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy thuốc thú y, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất, nguyên liệu thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.	
36	**Gộp hành vi về Chứng chỉ, điều chỉnh mức phạt và điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y** **+ Gộp hành vi không có và Chứng chỉ hết hiệu lực**: Điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định người quản lý không có Chứng chỉ hành nghề thú y hoặc Chứng chỉ hết hiệu lực cùng một nhóm, phạt từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Trong khi đó, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 38 Nghị định 90/2017/NĐ-CP tách hai hành vi, với mức 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với Chứng chỉ hết hiệu lực và 5.000.000 đồng đến	**Điều 36. Vi phạm về điều kiện trong nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không đủ điều kiện về địa điểm theo quy định; b) Người quản lý sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y hết hiệu lực; c) Tẩy xoá, sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	6.000.000 đồng đối với không có Chứng chỉ. Như vậy, quy định mới gộp hành vi và giảm mức phạt đối với hành vi không có Chứng chỉ. **+ Bổ sung, cụ thể hóa điều kiện về trang thiết bị bảo quản**: Khoản 3 Điều 36 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định cụ thể các thiết bị như quạt thông gió, hệ thống điều hòa không khí, nhiệt kế, ẩm kế để bảo đảm điều kiện bảo quản. Trong khi đó, khoản 2 Điều 38 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định theo hướng chung về trang thiết bị và điều kiện bảo quản. Như vậy, quy định mới cụ thể hóa yêu cầu kỹ thuật. **+ Điều chỉnh mức phạt đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu hết hiệu lực**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP đưa hành vi không có hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu hết hiệu lực vào mức phạt từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng theo khoản 4 Điều 36. Trong khi đó, Nghị định 90/2017/NĐ-CP xử lý hành vi không có Giấy chứng nhận tại mức cao hơn và hành vi sử dụng Giấy chứng nhận hết hiệu lực tại điểm h khoản 3 Điều 38 với mức 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Như vậy, hành vi sử dụng Giấy chứng nhận hết hiệu lực được chuyển sang nhóm xử phạt cao hơn.	2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi người quản lý không có Chứng chỉ hành nghề thú y. 3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không có trang thiết bị để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm; không có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm; b) Bảo quản thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y không đúng theo điều kiện bảo quản ghi trên nhãn thuốc; c) Không có kho riêng bảo quản, máy phát điện dự phòng, trang thiết bị theo điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm; d) Sử dụng phương tiện vận chuyển phân phối vắc-xin không đủ điều kiện bảo quản theo quy định; đ) Không có hồ sơ kiểm soát chất lượng và theo dõi xuất, nhập đối với từng loại thuốc; e) Không bảo quản thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất tại kho, tủ riêng theo quy định; để cùng các thuốc, nguyên liệu làm thuốc khác, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và các sản phẩm khác;	

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
P.301, tầng 03, 63 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng, Tp. Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
146 Hoàng Hoa Thám, P. Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Luatsugialai.vn

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	+ Bổ sung tịch thu Giấy chứng nhận đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa: Điều 36 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung hình thức tịch thu Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa. Nội dung này được quy định lại trong cơ cấu xử phạt mới, trong khi Điều 38 Nghị định 90/2017/NĐ-CP không có cách quy định tương ứng như vậy. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 36 Nghị định 204/2026/NĐ-CP gộp một số hành vi về Chứng chỉ, cụ thể hóa điều kiện bảo quản, điều chỉnh mức phạt đối với Giấy chứng nhận hết hiệu lực và bổ sung hình thức tịch thu trong trường hợp tẩy xóa, sửa chữa.	g) Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ kết quả nhập khẩu thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định; h) Sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y hết hiệu lực. 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.	
37	**Điều chỉnh cách tính mức phạt đối với thuốc, nguyên liệu không đạt chất lượng và thu hẹp một số biện pháp xử lý** **+ Chuyển từ mức phạt cố định sang phạt theo tỷ lệ giá trị lô sản phẩm**: Khoản 1 Điều 37 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định phạt từ 60% đến 70% giá trị lô sản phẩm nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y không đạt tiêu chuẩn chất lượng của nhà sản xuất công bố. Trong khi đó, khoản 1 Điều 39 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định mức phạt cố định từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Như vậy, phương	**Điều 37. Vi phạm về chất lượng trong nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu mỗi loại thuốc, nguyên liệu thuốc thú y không đạt tiêu chuẩn chất lượng của nhà sản xuất công bố. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi bán mỗi loại nguyên liệu thuốc thú y nhập khẩu cho cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y hoặc cơ sở chưa	

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
P.301, tầng 03, 63 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng, Tp. Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
146 Hoàng Hoa Thám, P. Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Luatsugialai.vn

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	pháp xác định tiền phạt được thay đổi từ khung tiền cố định sang tỷ lệ theo giá trị lô hàng. **+ Thu hẹp phạm vi đình chỉ nhập khẩu**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP chỉ quy định đình chỉ việc nhập khẩu thuốc thú y từ 06 tháng đến 09 tháng đối với hành vi tại khoản 2 Điều 37. Trong khi đó, Nghị định 90/2017/NĐ-CP còn quy định đình chỉ từ 09 tháng đến 12 tháng đối với hành vi tại khoản 3 Điều 39. Như vậy, một trường hợp đình chỉ và thời hạn đình chỉ theo quy định cũ không còn được quy định tại Điều 37. **+ Điều chỉnh biện pháp khắc phục hậu quả đối với thuốc, nguyên liệu không đạt chất lượng**: Điều 37 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định buộc tái xuất thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y đối với hành vi tại khoản 1; trường hợp không tái xuất được thì buộc thu hồi, tiêu hủy. Trong khi đó, Điều 39 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định các biện pháp xử lý theo cơ cấu cũ và chưa quy định riêng trường hợp không tái xuất được thì buộc thu hồi, tiêu hủy. Như vậy, quy định mới cụ thể hóa phương án xử lý sau khi áp dụng biện pháp tái xuất. Như vậy, so với quy định cũ, Điều 37 Nghị định 204/2026/NĐ-CP điều chỉnh cách tính mức phạt đối với thuốc, nguyên liệu không đạt chất lượng, thu hẹp phạm vi đình chỉ nhập khẩu và cụ thể hóa biện pháp xử lý khi không thể tái xuất.	được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y hoặc cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. 3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi bán mỗi loại thuốc thú y nhập khẩu có chứa chất ma túy, tiền chất cho cơ sở buôn bán thuốc thú y không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y theo quy định, cơ sở không được phép hành nghề khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật. 4. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Đình chỉ việc nhập khẩu thuốc thú y từ 06 tháng đến 09 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này; b) Đình chỉ việc nhập khẩu thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất từ 09 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; b) Buộc tiêu hủy thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất quy định tại khoản 3 Điều này;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.	
38	**Vi phạm về nhãn sản phẩm thuốc thú y:** Không có thay đổi so với Nghị định số 90/2017/NĐ-CP.	**Điều 38. Vi phạm về nhãn sản phẩm thuốc thú y, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi ghi nhãn sản phẩm không đúng nội dung đã đăng ký, ghi đạt chứng nhận GMP khi chưa được cấp Giấy chứng nhận GMP theo quy định. 2. Biện pháp khắc phục hậu quả. Buộc thu hồi thuốc thú y và ghi nhãn theo đúng nội dung đã đăng ký đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.	
39	**Điều chỉnh, bổ sung hành vi vi phạm và biện pháp xử lý trong hành nghề thú y** **+ Bổ sung hành vi sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y hết hiệu lực vào nhóm hành vi bị phạt từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng:** Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định hành vi này tại điểm b khoản 1 Điều 39, trong khi Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định hành vi sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y hết hiệu lực cùng với hành vi hành nghề không có Chứng chỉ tại khoản 3 Điều 41, với mức phạt 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Mức phạt đối với hành vi sử dụng Chứng	**Điều 39. Vi phạm về thủ tục trong hành nghề thú y, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Tẩy xoá, sửa chữa nội dung ghi trong Chứng chỉ hành nghề thú y; b) Sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y hết hiệu lực. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn, thuê, mượn Chứng chỉ hành nghề thú y.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	chỉ hết hiệu lực được giảm từ 6-7 triệu đồng xuống 4-5 triệu đồng. **+ Bỏ hành vi "giả mạo hồ sơ":** Nghị định 204/2026/NĐ-CP chỉ quy định xử phạt hành vi "khai man hồ sơ" tại khoản 4 Điều 39, trong khi khoản 4 Điều 41 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định cả hành vi "khai man, giả mạo hồ sơ". Hành vi giả mạo hồ sơ không còn được quy định tại Điều 39 Nghị định 204/2026/NĐ-CP. **+ Thay đổi hình thức xử lý đối với hồ sơ, giấy tờ và Chứng chỉ:** Nghị định 204/2026/NĐ-CP bỏ hình thức xử phạt bổ sung "tịch thu" đối với hồ sơ, giấy tờ, Chứng chỉ hành nghề thú y quy định tại khoản 1, 2 và 4 Điều 39; thay vào đó quy định "buộc nộp lại Chứng chỉ hành nghề thú y" tại khoản 5 Điều 39. Trong khi đó, khoản 5 và khoản 6 Điều 41 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định tịch thu hồ sơ, giấy tờ, Chứng chỉ đối với khoản 1, 2, 4 và chỉ buộc nộp lại Chứng chỉ đối với hành vi tại khoản 1. **+ Mở rộng trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:** Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định buộc nộp lại Chứng chỉ hành nghề thú y đối với hành vi tại điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 39; trong khi khoản 6 Điều 41 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ áp dụng biện pháp này đối	3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi hành nghề tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y không có Chứng chỉ hành nghề thú y. 4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi khai man hồ sơ để xin cấp Chứng chỉ hành nghề thú y. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại Chứng chỉ hành nghề thú y quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	với hành vi tại khoản 1 Điều 41. Mở rộng từ 01 nhóm hành vi lên 03 nhóm hành vi.		
40	**Bỏ xử phạt hành vi hành nghề không đúng địa điểm ghi trong Chứng chỉ hành nghề thú y:** Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định xử phạt đối với hành vi "hành nghề không đúng địa điểm ghi trong Chứng chỉ hành nghề thú y". Trong khi đó, điểm b khoản 1 Điều 42 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi này. Như vậy, so với quy định cũ, phạm vi hành vi vi phạm bị xử phạt tại khoản 1 Điều 40 Nghị định 204/2026/NĐ-CP được thu hẹp, không còn xử phạt hành vi hành nghề sai địa điểm. **- Bổ sung hành vi không kê đơn đối với thuốc thú y bắt buộc phải kê đơn:** Điểm đ khoản 2 Điều 40 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung hành vi "không thực hiện kê đơn đối với thuốc thú y phải kê đơn theo quy định", với mức phạt từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Trong khi đó, khoản 2 Điều 42 Nghị định 90/2017/NĐ-CP không quy định hành vi này. Như vậy, so với quy định cũ, Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung một hành vi vi phạm độc lập liên quan đến nghĩa vụ kê đơn thuốc thú y. **- Thay đổi tiêu chí xác định thuốc thú y được phép lưu hành:**	**Điều 40. Vi phạm về hoạt động trong hành nghề thú y, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Hành nghề không đúng ngành nghề, phạm vi chuyên môn ghi trong Chứng chỉ hành nghề thú y; b) Không cung cấp thông tin kịp thời hoặc đột xuất khi có dịch bệnh động vật thuộc Danh mục các bệnh động vật phải công bố dịch theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; c) Không tham gia các hoạt động phòng bệnh, chống dịch bệnh cho động vật theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. 2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Sử dụng thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép để phòng, chữa bệnh cho động vật; b) Sử dụng các loại thuốc thú y không rõ nguồn gốc xuất xứ, thuốc thú y hết hạn sử dụng để phòng, chữa bệnh cho động vật;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Điểm a khoản 2 và điểm d khoản 2 Điều 40 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định xử phạt đối với việc sử dụng hoặc kê đơn thuốc thú y "không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép". Trong khi đó, điểm a và điểm d khoản 2 Điều 42 Nghị định 90/2017/NĐ-CP sử dụng tiêu chí thuốc "không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép". Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP thay đổi căn cứ xác định tính hợp pháp của thuốc thú y từ việc thuộc Danh mục thuốc được phép lưu hành sang căn cứ về Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc việc được cơ quan có thẩm quyền cho phép. **- Thu hẹp các trường hợp buộc tiêu hủy thuốc thú y:** Điểm a khoản 5 Điều 40 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định buộc tiêu hủy thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc y tế, thuốc y tế đối với hành vi tại điểm a, b và c khoản 2 và điểm a khoản 3. Trong khi đó, điểm a khoản 5 Điều 42 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định buộc tiêu hủy đối với hành vi vi phạm toàn bộ khoản 2 và điểm a khoản 3. Như vậy, so với quy định cũ, biện pháp buộc tiêu hủy không còn áp dụng đối với mọi hành vi thuộc khoản 2, mà chỉ áp dụng đối với 03 nhóm hành vi cụ thể tại điểm a, b, c khoản 2; do đó, hành vi mới được bổ sung tại điểm đ khoản 2 Điều 40 không thuộc trường hợp buộc tiêu hủy.	c) Sử dụng nguyên liệu thuốc thú y hoặc nguyên liệu thuốc y tế hoặc thuốc y tế để phòng, chữa bệnh cho động vật; d) Kê đơn thuốc thú y không có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, thuốc thú y trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam; đ) Không thực hiện kê đơn đối với thuốc thú y phải kê đơn theo quy định. 3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng có một trong các hành vi sau đây: a) Sử dụng thuốc thú y trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam để phòng, chữa bệnh cho động vật; b) Chữa bệnh cho động vật mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật cấm giết mổ, chữa bệnh hoặc mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định phải tiêu hủy, giết mổ bắt buộc; c) Chữa bệnh cho động vật trong vùng có dịch hoặc ở nơi có động vật mắc bệnh truyền nhiễm không theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y. 4. Hình thức xử phạt bổ sung:	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	- Thay đổi và làm rõ chủ thể có thẩm quyền hướng dẫn: Điểm c khoản 3 Điều 40 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định xử phạt hành vi chữa bệnh cho động vật trong vùng có dịch hoặc nơi có động vật mắc bệnh truyền nhiễm "không theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y". Trong khi đó, điểm c khoản 3 Điều 42 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định "không theo hướng dẫn của cơ quan thú y". Như vậy, quy định mới làm rõ và cụ thể hóa chủ thể có thẩm quyền hướng dẫn từ "cơ quan thú y" thành "cơ quan quản lý chuyên ngành thú y".	a) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc tiêu hủy thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc y tế, thuốc y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b và c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này; b) Buộc tiêu hủy động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều này.	
41	**Điều chỉnh thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp tỉnh, đồng thời bỏ thẩm quyền của cấp huyện** **+ Tăng mức phạt tiền tối đa của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**: Điểm a khoản 1 Điều 41 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được phạt tiền đến 25.000.000 đồng. Trong khi đó, điểm b khoản 1 Điều 43 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được phạt tiền đến 5.000.000 đồng. Như vậy, mức phạt tiền tối đa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy	**Điều 41. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) có quyền: a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	ban nhân dân cấp xã được tăng từ 5.000.000 đồng lên 25.000.000 đồng. **+ Bổ sung thẩm quyền tước Chứng chỉ hành nghề thú y và đình chỉ hoạt động cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:** Điểm b khoản 1 Điều 41 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn. Trong khi đó, khoản 1 Điều 43 Nghị định 90/2017/NĐ-CP không trao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung này; thẩm quyền tước Chứng chỉ hành nghề thú y hoặc đình chỉ hoạt động trước đây thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh theo điểm c khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 43. Như vậy, thẩm quyền áp dụng hình thức tước Chứng chỉ hành nghề thú y và đình chỉ hoạt động được phân cấp xuống cấp xã. **+ Bỏ thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện**: Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trong khi đó, khoản 2 Điều 43 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định riêng thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, bao gồm phạt tiền đến 25.000.000 đồng, tước Chứng chỉ hành nghề thú y hoặc đình chỉ hoạt động, tịch	2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có quyền: a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	thu tang vật, phương tiện và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả. Như vậy, cơ cấu thẩm quyền được chuyển từ 03 cấp xã – huyện – tỉnh theo Nghị định 90/2017/NĐ-CP sang 02 cấp xã – tỉnh theo Nghị định 204/2026/NĐ-CP. **+ Bỏ thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân:** Điều 41 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp tỉnh. Trong khi đó, điểm c khoản 1, điểm d khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 43 Nghị định 90/2017/NĐ-CP đều quy định thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tương ứng với từng cấp. Như vậy, thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện không còn được quy định tại Điều 41 Nghị định 204/2026/NĐ-CP. **+ Bổ sung và thống nhất thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:** Điểm c khoản 1 Điều 41 Nghị định 204/2026/NĐ-CP trao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định. Trong khi đó, khoản 1 Điều 43 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ cho phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm		

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	hành chính, không bao gồm các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định. Như vậy, thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được mở rộng. **+ Thu hẹp và thống nhất cách quy định về biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:** Điểm c khoản 2 Điều 41 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định. Trong khi đó, điểm đ khoản 3 Điều 43 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được áp dụng cả các biện pháp khắc phục hậu quả theo các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp tại khoản 3 Điều 3 Nghị định. Như vậy, quy định mới không còn liệt kê riêng các biện pháp khắc phục hậu quả theo Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính tại Điều 41, mà dẫn chiếu thống nhất đến khoản 3 Điều 3 Nghị định.		
42	**Bỏ quy định về thẩm quyền của thanh tra** **+ Bãi bỏ thẩm quyền xử phạt của thanh tra chuyên ngành:** Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định riêng về thẩm quyền xử phạt của thanh tra trong lĩnh vực thú y. Trong khi đó, Điều 44 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định thẩm	Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định về thẩm quyền xử phạt của thanh tra trong lĩnh vực thú y.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	quyền xử phạt của 04 nhóm chức danh thanh tra, gồm Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, Chánh Thanh tra, Chi cục trưởng, các Trưởng đoàn thanh tra và người đứng đầu cơ quan thanh tra, chuyên ngành, với thẩm quyền phạt tiền từ 500.000 đồng đến 50.000.000 đồng và các thẩm quyền xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã bỏ toàn bộ cơ chế trao thẩm quyền xử phạt riêng cho lực lượng thanh tra chuyên ngành được quy định tại Điều 44 Nghị định 90/2017/NĐ-CP.		
43	**Bổ sung mới thẩm quyền xử phạt của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và Trưởng đoàn kiểm tra** **+ Thiết lập mới thẩm quyền xử phạt của các chức danh quản lý nhà nước chuyên ngành về chăn nuôi và thú y:** Điều 42 Nghị định 204/2026/NĐ-CP lần đầu quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh thuộc cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về chăn nuôi và thú y, gồm Chi cục trưởng các Chi cục chuyên ngành với thẩm quyền phạt tiền đến 25.000.000 đồng (khoản 1), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường với thẩm quyền phạt tiền đến 40.000.000 đồng (khoản 2) và Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Cục trưởng Cục	**Điều 42. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về chăn nuôi và thú y và một số chức danh khác, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực chăn nuôi, thú y, quản lý chất lượng nông lâm, thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền: a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Thủy sản và Kiểm ngư với thẩm quyền phạt tiền đến 50.000.000 đồng (khoản 3), đồng thời được tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y, đình chỉ hoạt động có thời hạn và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định. Trong khi đó, Nghị định 90/2017/NĐ-CP không có quy định tương ứng về thẩm quyền xử phạt của các chức danh này. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã bổ sung mới và thiết lập cơ chế phân định thẩm quyền xử phạt cho các chức danh quản lý nhà nước chuyên ngành từ cấp Chi cục, cấp Sở đến cấp Cục. **+ Bổ sung thẩm quyền xử phạt cho Trưởng đoàn kiểm tra:** Khoản 4 và khoản 5 Điều 42 Nghị định 204/2026/NĐ-CP lần đầu quy định Trưởng đoàn kiểm tra được thành lập bởi Cục trưởng hoặc Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, khi thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y, có thẩm quyền xử phạt tương ứng với thẩm quyền của Giám đốc Sở theo khoản 2 hoặc Cục trưởng theo khoản 3 Điều 42. Trong khi đó, Nghị định 90/2017/NĐ-CP không có quy định về thẩm quyền xử phạt của Trưởng đoàn kiểm tra. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung cơ chế trao thẩm quyền xử phạt cho Trưởng đoàn kiểm tra theo cơ quan thành lập và phạm vi nhiệm vụ được giao.	b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền: a) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 3. Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền: a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 4. Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư thành lập, khi thực hiện nhiệm vụ quản lý	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		nhà nước về chăn nuôi và thú y có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này. 5. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập, khi thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều này.	
44	**- Mở rộng và phân cấp lại thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân** **+ Tăng mức phạt tiền tối đa của Chiến sĩ Công an nhân dân:** Khoản 1 Điều 43 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ được phạt tiền đến 5.000.000 đồng, tăng 10 lần so với mức 500.000 đồng tại điểm b khoản 1 Điều 45 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Đồng thời, Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định thẩm quyền phạt cảnh cáo của chức danh này như điểm a khoản 1 Điều 45 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. **+ Bổ sung thẩm quyền xử phạt của nhiều chức danh Công an và tăng mức phạt tiền:** Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung thẩm quyền xử phạt cho Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội với mức phạt đến 10.000.000 đồng (khoản 2 Điều 43); Thủy đội trưởng, Trưởng trạm và Đội trưởng với mức phạt đến 15.000.000 đồng (khoản 3 Điều 43); cùng nhiều chức danh	**Điều 43. Thẩm quyền của Công an nhân dân, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 5.000.000 đồng. 2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền: a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng; b) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền: a) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	cấp phòng, đơn vị nghiệp vụ thuộc Bộ Công an và Công an cấp tỉnh với mức phạt đến 40.000.000 đồng (khoản 5 Điều 43). Trong khi đó, Điều 45 Nghị định 90/2017/NĐ-CP không quy định tương ứng đối với các chức danh này theo cơ cấu tổ chức và mức thẩm quyền nêu trên. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP mở rộng phạm vi chức danh được trao thẩm quyền xử phạt và thiết lập các mức thẩm quyền mới phù hợp với cơ cấu tổ chức Công an hiện hành. **+ Tăng mạnh thẩm quyền xử phạt của Trưởng Công an cấp xã:** Khoản 4 Điều 43 Nghị định 204/2026/NĐ-CP nâng mức phạt tiền tối đa của Trưởng Công an cấp xã từ 2.500.000 đồng theo điểm b khoản 3 Điều 45 Nghị định 90/2017/NĐ-CP lên 25.000.000 đồng. Đồng thời, Trưởng Công an cấp xã được tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo điểm b khoản 4 Điều 43, trong khi Nghị định 90/2017/NĐ-CP không trao hình thức xử phạt bổ sung này cho Trưởng Công an cấp xã. Như vậy, thẩm quyền của Trưởng Công an cấp xã được mở rộng đáng kể cả về mức phạt tiền và hình thức xử phạt bổ sung. **+ Tăng mức phạt tiền tối đa của Giám đốc Công an cấp tỉnh:** Khoản 6 Điều 43 Nghị định 204/2026/NĐ-CP nâng mức phạt tiền tối đa của Giám đốc Công an cấp tỉnh lên	c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 4. Trưởng Công an cấp xã có quyền: a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 5. Trưởng Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh công thương, Trưởng phòng An ninh nông, lâm, ngư nghiệp, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy nội địa, Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao gồm: Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	50.000.000 đồng, so với 25.000.000 đồng theo điểm b khoản 5 Điều 45 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Như vậy, thẩm quyền phạt tiền của Giám đốc Công an cấp tỉnh được tăng gấp đôi; đồng thời, các thẩm quyền về tước Chứng chỉ hành nghề/đình chỉ hoạt động và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tiếp tục được duy trì. **+ Mở rộng và điều chỉnh thẩm quyền của các chức danh cấp Cục thuộc Bộ Công an:** Khoản 7 Điều 43 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định thẩm quyền của một phạm vi rộng hơn các chức danh cấp Cục và Tư lệnh Cảnh sát cơ động, với mức phạt tiền đến 50.000.000 đồng, tước Chứng chỉ hành nghề/đình chỉ hoạt động và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Trong khi đó, khoản 6 Điều 45 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định thẩm quyền của 05 nhóm chức danh gồm Cục trưởng Cục An ninh kinh tế tổng hợp, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông và Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP mở rộng danh sách chức danh cấp Cục được trao thẩm quyền xử phạt, đồng thời cập nhật tên gọi và cơ cấu các đơn vị theo tổ chức Công an hiện hành. **- Bỏ một số thẩm quyền xử phạt được quy định trong Nghị định 90/2017/NĐ-CP**	mạng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự xã hội, Trưởng phòng An ninh thông tin mạng, Trưởng phòng Bảo vệ an ninh hệ thống mạng thông tin quốc gia, Trưởng phòng Giám sát thông tin mạng và phòng, chống hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh gồm: Trưởng phòng Quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài, Trưởng phòng Quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Giám đốc Trung tâm An ninh hàng không quốc gia; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh nội địa, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	+ Bỏ thẩm quyền phạt cảnh cáo: Các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 43 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định hình thức phạt cảnh cáo đối với các chức danh Công an nhân dân. Trong khi đó, Điều 45 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định phạt cảnh cáo tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6. Như vậy, hình thức phạt cảnh cáo không còn được quy định trong thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân tại Nghị định 204/2026/NĐ-CP. **+ Bỏ thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:** Điều 43 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện đối với các chức danh Công an nhân dân. Trong khi đó, thẩm quyền này được quy định tại điểm c khoản 3, điểm d khoản 4, điểm d khoản 5 và điểm d khoản 6 Điều 45 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP bỏ thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện khỏi Điều 43.	phòng An ninh đối ngoại, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền: a) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền: a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 7. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát, điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền: a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.	
45	**- Tăng mức phạt tiền và điều chỉnh thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng** **+ Tăng mức phạt tiền của Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng:** Khoản 1 Điều 44 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ được phạt tiền đến 2.500.000 đồng, tăng 05 lần so với mức 500.000 đồng tại điểm b khoản 1 Điều 46 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Đồng thời, Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định thẩm quyền phạt cảnh cáo như điểm a khoản 1 Điều 46 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Như vậy, mức phạt tiền tối đa của Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng được nâng từ 500.000 đồng lên 2.500.000 đồng, đồng thời bỏ thẩm quyền phạt cảnh cáo. **+ Tăng mức phạt tiền của Trạm trưởng, Đội trưởng:**	**Điều 44. Thẩm quyền của Bộ đội biên phòng, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 2.500.000 đồng. 2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền: a) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng; b) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền: a) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Khoản 2 Điều 44 Nghị định 204/2026/NĐ-CP nâng mức phạt tiền tối đa của Trạm trưởng, Đội trưởng từ 2.500.000 đồng theo điểm b khoản 2 Điều 46 Nghị định 90/2017/NĐ-CP lên 5.000.000 đồng. Đồng thời, Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3. Trong khi đó, khoản 2 Điều 46 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định phạt cảnh cáo và phạt tiền, không quy định thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cho các chức danh này. Như vậy, thẩm quyền của Trạm trưởng, Đội trưởng được mở rộng cả về mức phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả. **+ Tăng mức phạt tiền của Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm:** Khoản 3 Điều 44 Nghị định 204/2026/NĐ-CP nâng mức phạt tiền tối đa của chức danh này lên 7.500.000 đồng, so với 5.000.000 đồng tại điểm b khoản 2a Điều 46 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Đồng thời, Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện như điểm c khoản 2a Điều 46 Nghị định 90/2017/NĐ-CP, mà chỉ quy định quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tại điểm b khoản 3 Điều 3. Như vậy, mức phạt tiền được tăng nhưng thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện bị bãi bỏ.	b) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền: a) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng; b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền: a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 6. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền: a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	+ Tăng mức phạt tiền của Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng và Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng: Khoản 4 Điều 44 Nghị định 204/2026/NĐ-CP nâng mức phạt tiền tối đa lên 15.000.000 đồng, so với 10.000.000 đồng theo điểm b khoản 3 Điều 46 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Đồng thời, quy định mới không còn chức danh Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng được liệt kê tại khoản 3 Điều 46 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Như vậy, mức phạt tiền được nâng và danh sách chức danh có thẩm quyền được điều chỉnh theo cơ cấu tổ chức mới. **+ Bổ sung thẩm quyền tước Chứng chỉ hành nghề thú y, đình chỉ hoạt động cho Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm:** Điểm b khoản 5 Điều 44 Nghị định 204/2026/NĐ-CP trao cho Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thẩm quyền tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn. Trong khi đó, khoản 3a Điều 46 Nghị định 90/2017/NĐ-CP không quy định hình thức xử phạt bổ sung này đối với Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm. Như vậy, thẩm quyền xử phạt bổ sung của chức danh này được mở rộng. **- Điều chỉnh cơ cấu chức danh có thẩm quyền xử phạt** **+ Thay đổi chức danh đứng đầu Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt:**	b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Khoản 6 Điều 44 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định thẩm quyền của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng; Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, với mức phạt tiền đến 50.000.000 đồng. Trong khi đó, khoản 4 Điều 46 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định thẩm quyền của Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh và Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP điều chỉnh lại chức danh có thẩm quyền xử phạt để phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của Bộ đội Biên phòng; mức phạt tối đa 50.000.000 đồng được giữ nguyên. **- Bỏ một số thẩm quyền xử phạt được quy định tại Nghị định 90/2017/NĐ-CP** **+ Bỏ thẩm quyền phạt cảnh cáo**: Các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 44 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định hình thức phạt cảnh cáo đối với các chức danh Bộ đội Biên phòng. Trong khi đó, Điều 46 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định phạt cảnh cáo tại các điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 2a, điểm a khoản 3, điểm a khoản 3a và điểm a khoản 4. Như vậy, hình thức phạt cảnh cáo không còn thuộc thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng theo Nghị định 204/2026/NĐ-CP.		

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	+ Bỏ thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính: Điều 44 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện đối với các chức danh Bộ đội Biên phòng. Trong khi đó, thẩm quyền này được quy định tại điểm c khoản 2a, điểm c khoản 3, điểm c khoản 3a và điểm d khoản 4 Điều 46 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã loại bỏ thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện khỏi Điều 44.		
46	**- Tăng mức phạt tiền và mở rộng thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển** **+ Tăng mức phạt tiền của Cảnh sát viên Cảnh sát biển:** Khoản 1 Điều 45 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ được phạt tiền đến 2.500.000 đồng, tăng 2,5 lần so với mức 1.000.000 đồng tại điểm b khoản 1 Điều 47 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Đồng thời, quy định mới không còn thẩm quyền phạt cảnh cáo như điểm a khoản 1 Điều 47. Như vậy, mức phạt tiền tối đa được tăng từ 1.000.000 đồng lên 2.500.000 đồng và bỏ thẩm quyền phạt cảnh cáo. **+ Tăng mức phạt tiền của Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển:**	**Điều 45. Thẩm quyền của Cảnh sát biển, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 2.500.000 đồng. 2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền phạt tiền đến 5.000.000 đồng. 3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền: a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng; b) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền: a) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Khoản 2 Điều 45 Nghị định 204/2026/NĐ-CP nâng mức phạt tiền tối đa từ 2.500.000 đồng theo điểm b khoản 2 Điều 47 Nghị định 90/2017/NĐ-CP lên 5.000.000 đồng. Đồng thời, Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định thẩm quyền phạt cảnh cáo tại điểm a khoản 2 Điều 47. Như vậy, thẩm quyền phạt tiền được tăng gấp đôi và bỏ thẩm quyền phạt cảnh cáo. **+ Tăng mức phạt tiền và bổ sung thẩm quyền khắc phục hậu quả cho Đội trưởng, Trạm trưởng:** Khoản 3 Điều 45 Nghị định 204/2026/NĐ-CP nâng mức phạt tiền tối đa của Đội trưởng Đội nghiệp vụ và Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển từ 5.000.000 đồng theo điểm b khoản 3 Điều 47 Nghị định 90/2017/NĐ-CP lên 10.000.000 đồng. Đồng thời, điểm b khoản 3 Điều 45 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định, thay cho cách dẫn chiếu đến các biện pháp tại Luật Xử lý vi phạm hành chính theo điểm c khoản 3 Điều 47 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Như vậy, mức phạt tiền được tăng và thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định lại theo cơ chế mới của Nghị định 204/2026/NĐ-CP. **+ Tăng mức phạt tiền của Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển:** Khoản 4 Điều 45 Nghị định 204/2026/NĐ-CP nâng mức phạt tiền tối đa từ 10.000.000 đồng theo điểm b khoản 4	b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền: a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền: a) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền: a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Điều 47 Nghị định 90/2017/NĐ-CP lên 15.000.000 đồng. Đồng thời, quy định mới không còn thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện như điểm c khoản 4 Điều 47. Như vậy, mức phạt tiền được tăng nhưng thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện bị bãi bỏ. **+ Tăng mức phạt tiền và bổ sung thẩm quyền xử phạt bổ sung cho Hải đoàn trưởng:** Khoản 5 Điều 45 Nghị định 204/2026/NĐ-CP nâng mức phạt tiền của Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển từ 15.000.000 đồng theo điểm b khoản 5 Điều 47 Nghị định 90/2017/NĐ-CP lên 25.000.000 đồng. Đồng thời, điểm b khoản 5 Điều 45 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung thẩm quyền tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, trong khi khoản 5 Điều 47 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chưa trao thẩm quyền này cho Hải đoàn trưởng. Như vậy, thẩm quyền của Hải đoàn trưởng được mở rộng cả về mức phạt tiền và hình thức xử phạt bổ sung. **+ Bổ sung thẩm quyền cho Đoàn trưởng Đoàn trinh sát và Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy:** Khoản 5 Điều 45 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung hai chức danh Đoàn trưởng Đoàn trinh sát và Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Cảnh sát biển Việt Nam, cùng với Hải đoàn trưởng, với mức phạt	b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	tiền đến 25.000.000 đồng, thẩm quyền tước Chứng chỉ hành nghề/đình chỉ hoạt động và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Trong khi đó, Điều 47 Nghị định 90/2017/NĐ-CP không quy định hai chức danh này. Như vậy, phạm vi chức danh được trao thẩm quyền xử phạt được mở rộng. **+ Tăng mức phạt tiền và bổ sung thẩm quyền xử phạt bổ sung cho Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển:** Khoản 6 Điều 45 Nghị định 204/2026/NĐ-CP nâng mức phạt tiền tối đa của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển từ 25.000.000 đồng theo điểm b khoản 6 Điều 47 Nghị định 90/2017/NĐ-CP lên 40.000.000 đồng. Đồng thời, quy định mới bổ sung thẩm quyền tước Chứng chỉ hành nghề thú y hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, trong khi khoản 6 Điều 47 Nghị định 90/2017/NĐ-CP không quy định hình thức xử phạt bổ sung này. Như vậy, thẩm quyền của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển được mở rộng đáng kể. **+ Bổ sung thẩm quyền xử phạt của Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật:** Khoản 6 Điều 45 Nghị định 204/2026/NĐ-CP lần đầu quy định Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền phạt tiền đến 40.000.000 đồng, tước Chứng chỉ hành nghề/đình chỉ hoạt động và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Trong khi đó, Điều 47 Nghị định 90/2017/NĐ-CP không có quy định tương ứng đối với chức danh này. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ		

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	sung mới thẩm quyền xử phạt cho chức danh Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật. **- Bỏ một số thẩm quyền xử phạt theo Nghị định 90/2017/NĐ-CP** **+ Bỏ thẩm quyền phạt cảnh cáo:** Các khoản 1 đến 7 Điều 45 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định hình thức phạt cảnh cáo đối với các chức danh Cảnh sát biển. Trong khi đó, Điều 47 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định phạt cảnh cáo tại điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7. Như vậy, hình thức phạt cảnh cáo bị loại bỏ khỏi thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển. **+ Bỏ thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:** Điều 45 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện đối với các chức danh Cảnh sát biển. Trong khi đó, điểm c khoản 4, điểm c khoản 5, điểm c khoản 6 và điểm d khoản 7 Điều 47 Nghị định 90/2017/NĐ-CP đều quy định thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện tương ứng. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP bỏ thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện khỏi Điều 45.		
47	**- Tăng mức phạt tiền và điều chỉnh lại cơ cấu chức danh có thẩm quyền xử phạt**	**Điều 46. Thẩm quyền của Hải quan, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.**	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	+ Tăng mức phạt tiền của Công chức Hải quan: Khoản 1 Điều 46 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định Công chức Hải quan đang thi hành công vụ được phạt tiền đến 2.500.000 đồng, tăng 05 lần so với mức 500.000 đồng tại điểm b khoản 1 Điều 48 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Đồng thời, quy định mới không còn thẩm quyền phạt cảnh cáo như điểm a khoản 1 Điều 48. Như vậy, mức phạt tiền tối đa của Công chức Hải quan được tăng từ 500.000 đồng lên 2.500.000 đồng và bỏ thẩm quyền phạt cảnh cáo. **+ Tăng mức phạt tiền của Đội trưởng thuộc cơ quan Hải quan:** Khoản 2 Điều 46 Nghị định 204/2026/NĐ-CP nâng mức phạt tiền tối đa của các chức danh Đội trưởng lên 15.000.000 đồng. Trong khi đó, điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan và Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan được phạt tiền đến 5.000.000 đồng. Như vậy, mức phạt tiền tối đa của nhóm chức danh Đội trưởng được tăng từ 5.000.000 đồng lên 15.000.000 đồng. **+ Bổ sung thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cho Đội trưởng:** Điểm b khoản 2 Điều 46 Nghị định 204/2026/NĐ-CP trao cho các chức danh Đội trưởng quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định. Trong khi đó, khoản 2 Điều 48 Nghị định 90/2017/NĐ-CP	1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 2.500.000 đồng. 2. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền: a) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng; b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 3. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền: a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 4. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền: a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	chỉ quy định thẩm quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền, không quy định quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cho Đội trưởng. Như vậy, thẩm quyền của Đội trưởng được mở rộng thêm về biện pháp khắc phục hậu quả. **- Điều chỉnh cơ cấu chức danh có thẩm quyền xử phạt theo tổ chức Hải quan mới** **+ Thay đổi và mở rộng danh sách chức danh Đội trưởng có thẩm quyền xử phạt:** Khoản 2 Điều 46 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định cụ thể thẩm quyền của nhiều chức danh Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Chi cục Điều tra chống buôn lậu và Chi cục Kiểm tra sau thông quan, gồm Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu và Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực. Trong khi đó, khoản 2 Điều 48 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định chung về Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan và Đội trưởng thuộc Chi cục kiểm tra sau thông quan. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP cụ thể hóa và điều chỉnh lại các chức danh Đội trưởng có thẩm quyền theo cơ cấu tổ chức Hải quan mới. **+ Điều chỉnh cơ cấu chức danh cấp Chi cục:** Khoản 3 Điều 46 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống	b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực, với mức phạt đến 25.000.000 đồng. Trong khi đó, khoản 3 Điều 48 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan và nhiều chức danh Đội trưởng thuộc Cục Hải quan và Cục Điều tra chống buôn lậu. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP tái cơ cấu các chức danh có thẩm quyền xử phạt ở cấp Chi cục, tập trung vào các Chi cục chuyên môn theo mô hình tổ chức mới. **+ Điều chỉnh chức danh cấp Cục và bỏ thẩm quyền của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:** Điều 46 Nghị định 204/2026/NĐ-CP chỉ quy định thẩm quyền của Cục trưởng Cục Hải quan tại khoản 4, với mức phạt đến 50.000.000 đồng. Trong khi đó, khoản 4 Điều 48 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định thẩm quyền của Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố; đồng thời khoản 5 Điều 48 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định riêng thẩm quyền của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP điều chỉnh lại cấp có thẩm quyền cao nhất trong cơ cấu Hải quan, không còn quy định riêng thẩm quyền của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.		

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
P.301, tầng 03, 63 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng, Tp. Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
146 Hoàng Hoa Thám, P. Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Luatsugialai.vn

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	- Bổ sung thẩm quyền tước Chứng chỉ hành nghề và đình chỉ hoạt động ở cấp Chi cục **+ Bổ sung thẩm quyền tước Chứng chỉ hành nghề thú y/đình chỉ hoạt động cho Chi cục trưởng:** Điểm b khoản 3 Điều 46 Nghị định 204/2026/NĐ-CP trao cho Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục Kiểm tra sau thông quan và Chi cục Hải quan khu vực quyền tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn. Trong khi đó, khoản 3 Điều 48 Nghị định 90/2017/NĐ-CP không trao hình thức xử phạt bổ sung này cho các chức danh thuộc khoản 3. Như vậy, thẩm quyền xử phạt bổ sung được phân cấp xuống cấp Chi cục. **- Bỏ một số thẩm quyền theo quy định cũ** **+ Bỏ thẩm quyền phạt cảnh cáo:** Các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 46 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định hình thức phạt cảnh cáo. Trong khi đó, Điều 48 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định phạt cảnh cáo tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 và điểm a khoản 5. Như vậy, hình thức phạt cảnh cáo không còn được quy định trong thẩm quyền xử phạt của Hải quan tại Nghị định 204/2026/NĐ-CP. **+ Bỏ thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:**		

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Điều 46 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không quy định thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện đối với các chức danh Hải quan. Trong khi đó, thẩm quyền này được quy định tại điểm c khoản 3, điểm d khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều 48 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP đã bỏ thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện khỏi Điều 46.		
48	**- Điều chỉnh mức phạt tiền và cơ cấu chức danh có thẩm quyền xử phạt** **+ Tăng mức phạt tiền của Kiểm soát viên thị trường:** Khoản 1 Điều 47 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ được phạt tiền đến 5.000.000 đồng, tăng 10 lần so với mức 500.000 đồng tại điểm b khoản 1 Điều 49 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Đồng thời, quy định mới không còn thẩm quyền phạt cảnh cáo như điểm a khoản 1 Điều 49 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Như vậy, mức phạt tiền tối đa của Kiểm soát viên thị trường tăng từ 500.000 đồng lên 5.000.000 đồng và bỏ thẩm quyền phạt cảnh cáo. **+ Giảm mức phạt tiền của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường:** Khoản 2 Điều 47 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương được phạt tiền đến 15.000.000 đồng, giảm 10.000.000 đồng so với mức	**Điều 47. Thẩm quyền của Quản lý thị trường, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 5.000.000 đồng. 2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền: a) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng; b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	25.000.000 đồng tại điểm b khoản 2 Điều 49 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Đồng thời, Nghị định Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện và phạt cảnh cáo như các điểm a, c khoản 2 Điều 49 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Như vậy, mức phạt tối đa của Đội trưởng giảm từ 25.000.000 đồng xuống 15.000.000 đồng, đồng thời bỏ phạt cảnh cáo và tịch thu tang vật, phương tiện. **+ Bổ sung thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cho Đội trưởng theo cơ chế mới:** Điểm b khoản 2 Điều 47 Nghị định 204/2026/NĐ-CP trao cho Đội trưởng quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định. Trong khi đó, điểm d khoản 2 Điều 49 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định thẩm quyền này theo các điểm cụ thể của khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định. Như vậy, thẩm quyền khắc phục hậu quả được quy định lại theo cơ chế dẫn chiếu mới của Nghị định 204/2026/NĐ-CP. **- Điều chỉnh thẩm quyền của cấp Chi cục** **+ Giảm mức phạt tiền tối đa của Chi cục trưởng và Trưởng phòng nghiệp vụ:** Khoản 3 Điều 47 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường và Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát	c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này. 4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền: a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng; b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	triển thị trường trong nước được phạt tiền đến 25.000.000 đồng. Trong khi đó, điểm b khoản 3 Điều 49 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định nhóm chức danh tương ứng được phạt tiền đến 50.000.000 đồng. Như vậy, mức phạt tiền tối đa của cấp này giảm từ 50.000.000 đồng xuống 25.000.000 đồng. **+ Bổ sung chức danh Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường:** Khoản 3 Điều 47 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước vào nhóm chức danh có thẩm quyền xử phạt đến 25.000.000 đồng. Trong khi đó, khoản 3 Điều 49 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định các chức danh Trưởng phòng chống buôn lậu, Trưởng phòng chống hàng giả và Trưởng phòng kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường. Như vậy, cơ cấu chức danh được điều chỉnh theo tổ chức mới, trong đó chức danh Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường được quy định thay cho các chức danh phòng chuyên môn theo cơ cấu cũ. **+ Bổ sung thẩm quyền tước Chứng chỉ hành nghề thú y/đình chỉ hoạt động cho cấp Chi cục:** Điểm b khoản 3 Điều 47 Nghị định 204/2026/NĐ-CP trao cho Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường và Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường quyền tước quyền sử		

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
P.301, tầng 03, 63 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng, Tp. Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
146 Hoàng Hoa Thám, P. Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Luatsugialai.vn

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	dụng Chứng chỉ hành nghề thú y có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn. Trong khi đó, điểm d khoản 3 Điều 49 Nghị định 90/2017/NĐ-CP có quy định thẩm quyền này đối với nhóm chức danh cấp Chi cục/Trưởng phòng nhưng đồng thời gắn với giấy phép, Chứng chỉ hành nghề. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP tiếp tục duy trì nhưng cụ thể hóa thẩm quyền xử phạt bổ sung đối với Chứng chỉ hành nghề thú y theo phạm vi lĩnh vực thú y. **- Điều chỉnh thẩm quyền của Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước** **+ Thay đổi chức danh có thẩm quyền xử phạt hành chính:** Khoản 4 Điều 47 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định thẩm quyền của Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước với mức phạt đến 50.000.000 đồng. Trong khi đó, khoản 4 Điều 49 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định thẩm quyền của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường. Như vậy, chức danh có thẩm quyền xử phạt hành chính được thay đổi phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của cơ quan quản lý thị trường. **+ Giữ mức phạt tiền tối đa 50.000.000 đồng đối với cấp Cục:** Điểm a khoản 4 Điều 47 Nghị định 204/2026/NĐ-CP vẫn quy định Cục trưởng có quyền phạt tiền đến 50.000.000 đồng, bằng với mức tại điểm b khoản 4 Điều 49 Nghị định		

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	90/2017/NĐ-CP. Như vậy, mức phạt tiền tối đa của cấp Cục không thay đổi, nhưng chức danh thực hiện thẩm quyền được điều chỉnh. **- Bỏ một số thẩm quyền theo quy định cũ:** **+ Bỏ thẩm quyền phạt cảnh cáo:** Điều 47 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn quy định phạt cảnh cáo đối với các chức danh Quản lý thị trường. Trong khi đó, điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 49 Nghị định 90/2017/NĐ-CP đều quy định thẩm quyền phạt cảnh cáo. Như vậy, hình thức phạt cảnh cáo bị loại bỏ khỏi thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường. **+ Bỏ thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:** Điều 47 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không quy định thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện. Trong khi đó, thẩm quyền này được quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 49 Nghị định 90/2017/NĐ-CP. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP bỏ thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện khỏi Điều 47 Nghị định 204/2026/NĐ-CP.		
49	**- Điều chỉnh, mở rộng phạm vi hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền của từng lực lượng** **+ Điều chỉnh phạm vi hành vi thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân:**	**Điều 48. Phân định thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan và Quản lý thị trường, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.**	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Khoản 1 Điều 48 Nghị định 204/2026/NĐ-CP điều chỉnh lại danh mục các hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân, từ các hành vi được quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 5; khoản 3, 4, 5 Điều 6; điểm b khoản 2, điểm a khoản 7 Điều 7; khoản 3 đến khoản 7 Điều 8; điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 11; khoản 2 Điều 12; Điều 17, 21, 22, 23, 27; khoản 7, 8 Điều 33; khoản 3, 4, 5 Điều 36 theo khoản 1 Điều 50 Nghị định 90/2017/NĐ-CP sang hệ thống quy định mới tại khoản 6, 7, 8 Điều 6; khoản 3 đến khoản 7 Điều 7; điểm b khoản 2, điểm a khoản 7 Điều 8; khoản 3 đến khoản 13 Điều 9; điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 12; khoản 2 Điều 13; khoản 1, 2, 4, 6 đến 10 Điều 22; khoản 1, điểm b, c khoản 2, khoản 3 đến 7 Điều 23; Điều 24; khoản 7, 8 Điều 31; khoản 3 đến 5 Điều 34 Nghị định 204/2026/NĐ-CP. Như vậy, phạm vi thẩm quyền được tái phân định theo hệ thống hành vi vi phạm mới, trong đó có nhiều nhóm hành vi được chuyển, bổ sung hoặc phân loại lại sang các điều khoản mới. **+ Bổ sung và mở rộng phạm vi hành vi thuộc thẩm quyền của Bộ đội biên phòng:** Khoản 2 Điều 48 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung phạm vi thẩm quyền đối với các hành vi tại khoản 8, 9, 10 Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 20; Điều 21, đồng thời điều chỉnh các nhóm hành vi tại Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 35 và Điều 36 Nghị định 204/2026/NĐ-CP. Trong khi đó, khoản 2 Điều 50 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy	1. Những người có thẩm quyền của Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 6; khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 7; điểm b khoản 2, điểm a khoản 7 Điều 8; khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13 Điều 9; điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 12; khoản 2 Điều 13; khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 22; khoản 1, điểm b, điểm c khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 23; Điều 24; khoản 7, khoản 8 Điều 31 và khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 34 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. 2. Những người có thẩm quyền của Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại khoản 6 Điều 6; khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 7; điểm b khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13 Điều 9; khoản 8, khoản 9, khoản 10, Điều 16; Điều	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	định thẩm quyền đối với các hành vi tại Điều 14, Điều 16, Điều 18, Điều 19; khoản 2 Điều 37 và khoản 3 Điều 38 cùng một số khoản thuộc Điều 5, 6, 8. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP mở rộng và tái phân định các nhóm hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng. **+ Mở rộng phạm vi hành vi thuộc thẩm quyền của Cảnh sát biển:** Khoản 3 Điều 48 Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung, điều chỉnh nhiều nhóm hành vi thuộc thẩm quyền của Cảnh sát biển, trong đó đáng chú ý là Điều 13, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21; khoản 2, 3, 4 Điều 12; khoản 8, 9, 10 Điều 16; khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 3, khoản 4 Điều 36. Trong khi đó, khoản 3 Điều 50 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chủ yếu quy định tại Điều 14, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19; khoản 2 Điều 37 và khoản 3 Điều 38. Như vậy, phạm vi hành vi vi phạm mà Cảnh sát biển được xử phạt được điều chỉnh và mở rộng theo hệ thống hành vi mới, vẫn giới hạn đối với hành vi xảy ra trên các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam. **+ Mở rộng và điều chỉnh phạm vi thẩm quyền của Hải quan:** Khoản 4 Điều 48 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định Hải quan có thẩm quyền đối với khoản 2 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 20, Điều 21; khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 3, khoản 4 Điều 36 và khoản 1 Điều 37.	17; Điều 18; Điều 20; Điều 21; khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 3, khoản 4 Điều 36 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. 3. Những người có thẩm quyền của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y xảy ra trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại khoản 6 Điều 6; khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 7; khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 11, khoản 12, khoản 13 Điều 9; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 12; Điều 13; Điều 14; điểm a khoản 1, điểm a, điểm b khoản 3, khoản 8, khoản 9, khoản 10, Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 3, khoản 4 Điều 36 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. 4. Những người có thẩm quyền của Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại khoản 2 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 20; Điều 21; khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 3, khoản 4 Điều 36 và khoản 1	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Trong khi đó, khoản 4 Điều 50 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định đối với Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Điều 19; khoản 2 Điều 37, khoản 3 Điều 38 và khoản 1 Điều 39. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP vừa bổ sung các nhóm hành vi như Điều 17, Điều 20, Điều 21, vừa điều chỉnh lại các điều khoản thuộc thẩm quyền của Hải quan theo hệ thống hành vi vi phạm mới. **+ Điều chỉnh và mở rộng phạm vi thẩm quyền của Quản lý thị trường**: Khoản 5 Điều 48 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định cơ quan Quản lý thị trường được xử phạt đối với nhiều nhóm hành vi tại Điều 17, Điều 19, Điều 20, Điều 23, Điều 24, Điều 32, Điều 33, Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 38, cùng nhiều khoản cụ thể tại Điều 6, 7, 8, 9, 12, 22, 31 và 34. Trong khi đó, khoản 5 Điều 50 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định phạm vi thẩm quyền đối với các hành vi tại Điều 8, Điều 11, Điều 12, Điều 17, Điều 21 đến Điều 27, Điều 34 đến Điều 36, Điều 40; khoản 2 và khoản 3 Điều 42 cùng các khoản cụ thể tại Điều 5, 6, 7 và 20. Như vậy, phạm vi hành vi thuộc thẩm quyền của Quản lý thị trường được phân định lại đáng kể, bao gồm nhiều nhóm hành vi mới tại các Điều 32, 33, 37, 38 và các khoản mới được quy định trong Nghị định 204/2026/NĐ-CP. **- Làm rõ thẩm quyền của Quản lý thị trường gắn với Điều 47 Nghị định 204/2026/NĐ-CP**	Điều 37 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. 5. Những người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo phạm vi quản lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và theo thẩm quyền quy định tại Điều 47 Nghị định này đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 6 Điều 6; khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 7; điểm a khoản 7 Điều 8; điểm a, điểm b và điểm c khoản 4, điểm a, điểm b và điểm c khoản 5, khoản 6, khoản 7, các khoản 8, 9, 10, 11, 12, 13 và khoản 14 Điều 9; khoản 2, 3 và 4 Điều 12; Điều 17; Điều 19; Điều 20; khoản 3, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 22; Điều 23; Điều 24; khoản 7 và 8 Điều 31; Điều 32; Điều 33; khoản 3, 4 và 5 Điều 34; Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38 (trừ các hành vi về giết mổ, chăn nuôi).	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	+ Gắn thẩm quyền của Quản lý thị trường với phạm vi quản lý và thẩm quyền chức danh: Khoản 5 Điều 48 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định người có thẩm quyền của cơ quan Quản lý thị trường thực hiện xử phạt theo phạm vi quản lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và theo thẩm quyền quy định tại Điều 47 Nghị định 204/2026/NĐ-CP. Trong khi đó, khoản 5 Điều 50 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định chung người có thẩm quyền của Quản lý thị trường được xử phạt đối với các hành vi được liệt kê theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, không dẫn chiếu trực tiếp đến điều quy định thẩm quyền chức danh. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP làm rõ hơn mối liên hệ giữa phạm vi hành vi được xử phạt và thẩm quyền cụ thể của từng chức danh tại Điều 47 Nghị định 204/2026/NĐ-CP.		
50	**- Mở rộng và điều chỉnh chủ thể có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính** **+ Mở rộng phạm vi người có thẩm quyền lập biên bản:** Khoản 1 Điều 49 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định người có thẩm quyền xử phạt từ Điều 41 đến Điều 47 theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có quyền lập biên bản. Trong khi đó, khoản 1 Điều 51 Nghị định 90/2017/NĐ-CP dẫn chiếu đến người có thẩm quyền xử phạt từ Điều 43 đến Điều 49. Việc thay đổi số điều dẫn chiếu phản ánh cơ cấu lại hệ thống chức danh có thẩm quyền xử	**Điều 49. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, Nghị định 204/2026/NĐ-CP.** 1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định từ Điều 41 đến Điều 47 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. 2. Công chức, viên chức trong các cơ quan quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 46 và Điều 47 đang thi hành công vụ, nhiệm vụ khi phát hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực thú y có quyền lập biên bản vi phạm hành chính về những vi phạm thuộc phạm vi thi hành công	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	phạt trong Nghị định 204/2026/NĐ-CP, đồng thời bảo đảm thẩm quyền lập biên bản tương ứng với hệ thống chức danh mới. **+ Bổ sung công chức, viên chức thuộc các cơ quan có thẩm quyền xử phạt:** Khoản 2 Điều 49 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định công chức, viên chức trong các cơ quan quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 46 và Điều 47 đang thi hành công vụ, nhiệm vụ khi phát hiện vi phạm có quyền lập biên bản trong phạm vi công vụ, nhiệm vụ được giao. Trong khi đó, khoản 2 Điều 51 Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định cụ thể Kiểm dịch viên động vật, Trưởng trạm, Phó Trưởng trạm có chức năng quản lý chuyên ngành về thú y, công chức, viên chức ngành thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản được lập biên bản. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP chuyển từ việc liệt kê cụ thể một số chức danh chuyên ngành sang xác định theo cơ quan và phạm vi công vụ, nhiệm vụ được giao, qua đó điều chỉnh và mở rộng nhóm chủ thể được lập biên bản. **+ Bổ sung quyền lập biên bản cho lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân:** Khoản 3 Điều 49 Nghị định 204/2026/NĐ-CP lần đầu quy định người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân quy định tại Điều 43, Điều 44 và Điều 45 khi thi hành công vụ, nhiệm vụ và phát hiện hành vi vi phạm có	vụ, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản. 3. Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân quy định tại Điều 43, Điều 44 và Điều 45 Nghị định này trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ mà phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y có quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. 4. Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên là thành viên Đoàn thanh tra lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao.	

FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelуat.vn
fdvnlawfirm@gmail.com
P.301, tầng 03, 63 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng, Tp. Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
146 Hoàng Hoa Thám, P. Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh.
Luatsuhochiminhfdvn.vn
1421 Nguyễn Tất Thành, Phường Quỳnh Mai, Nghệ An.
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Luatsungheanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Tp. Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
Luatsugialai.vn

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	quyền lập biên bản trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Trong khi đó, Điều 51 Nghị định 90/2017/NĐ-CP không có quy định tương ứng. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung mới thẩm quyền lập biên bản cho các lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng và Cảnh sát biển. **+ Bổ sung quy định riêng về Trưởng đoàn thanh tra và Thanh tra viên:** Khoản 4 Điều 49 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định Trưởng đoàn thanh tra và Thanh tra viên là thành viên Đoàn thanh tra có quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Trong khi đó, Điều 51 Nghị định 90/2017/NĐ-CP không quy định riêng về thẩm quyền lập biên bản của Trưởng đoàn thanh tra và Thanh tra viên. Như vậy, Nghị định 204/2026/NĐ-CP bổ sung cơ sở pháp lý rõ ràng cho chủ thể thuộc lực lượng thanh tra trong việc lập biên bản vi phạm hành chính. **- Điều chỉnh cách xác định chủ thể lập biên bản** **+ Không còn liệt kê riêng các chức danh Kiểm dịch viên động vật, Trưởng trạm, Phó Trưởng trạm:** Khoản 2 Điều 51 Nghị định 90/2017/NĐ-CP trực tiếp xác định Kiểm dịch viên động vật, Trưởng trạm, Phó Trưởng trạm và một số nhóm công chức, viên chức chuyên ngành là chủ thể có quyền lập biên bản. Trong khi đó, khoản 2 Điều 49 Nghị định 204/2026/NĐ-CP không còn liệt kê riêng		

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	các chức danh này mà xác định theo công chức, viên chức trong các cơ quan quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 46 và Điều 47 Nghị định 204/2026/NĐ-CP, gắn với phạm vi công vụ, nhiệm vụ được giao. Như vậy, cách xác định chủ thể được chuyển từ liệt kê chức danh chuyên môn cụ thể sang xác định theo cơ quan, chức năng, nhiệm vụ và phạm vi công vụ được giao.		
51	**Nghị định 204/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực thú y; có hiệu lực từ ngày 01/8/2026.** Nghị định này bãi bỏ Điều 2 Nghị định 04/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y; và bãi bỏ Điều 3 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y.	**Điều 50. Hiệu lực thi hành, Nghị Định 204/2026NĐ-CP.** 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026. 2. Nghị định này thay thế Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y. 3. Nghị định này bãi bỏ: a) Điều 2 Nghị định 04/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
		b) Điều 3 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y.	
52	**Bổ sung và làm rõ nguyên tắc áp dụng pháp luật đối với hành vi vi phạm xảy ra trước thời điểm Nghị định 204/2026/NĐ-CP có hiệu lực** **+ Bổ sung quy định đối với hành vi vi phạm đã kết thúc nhưng sau đó mới bị phát hiện hoặc đang được giải quyết:** Khoản 1 Điều 51 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định đối với hành vi vi phạm đã xảy ra và đã kết thúc trước khi Nghị định có hiệu lực nhưng sau đó mới bị phát hiện hoặc đang được xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định có hiệu lực tại thời điểm hành vi vi phạm kết thúc để xử lý. Trong khi đó, Điều 53 Nghị định 90/2017/NĐ-CP không quy định trường hợp này theo thời điểm hành vi kết thúc, mà xác định việc áp dụng quy định chủ yếu dựa trên việc hành vi đã được lập biên bản trước hay sau ngày Nghị định có hiệu lực. **+ Bổ sung quy định đối với hành vi vi phạm đang tiếp diễn tại thời điểm Nghị định 204/2026/NĐ-CP có hiệu lực:** Khoản 2 Điều 51 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định đối với hành vi vi phạm đã xảy ra trước ngày Nghị định có	**Điều 51. Quy định chuyển tiếp, Nghị định 204/2026/NĐ-CP** 1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y xảy ra và đã kết thúc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực tại thời điểm kết thúc hành vi vi phạm để xử lý. 2. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y đã xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa kết thúc khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì xử phạt theo quy định của Nghị định này. 3. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt để giải quyết.	

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	hiệu lực nhưng chưa kết thúc tại thời điểm Nghị định có hiệu lực thì áp dụng Nghị định 204/2026/NĐ-CP để xử phạt. Đây là quy định mới, làm rõ cách xử lý đối với hành vi vi phạm đang thực hiện tại thời điểm chuyển tiếp. Trong khi đó, Điều 53 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chỉ quy định trường hợp hành vi đã được thực hiện hoặc phát hiện trước ngày Nghị định có hiệu lực nhưng chưa lập biên bản, mà không quy định riêng trường hợp hành vi chưa kết thúc. **+ Bổ sung quy định chuyển tiếp đối với quyết định xử phạt đang có khiếu nại:** Khoản 3 Điều 51 Nghị định 204/2026/NĐ-CP quy định đối với quyết định xử phạt đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước khi Nghị định 204/2026/NĐ-CP có hiệu lực nhưng cá nhân, tổ chức bị xử phạt vẫn còn khiếu nại thì áp dụng quy định về xử phạt có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt để giải quyết. Trong khi đó, Điều 53 Nghị định 90/2017/NĐ-CP không có quy định tương ứng về việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định xử phạt đã ban hành hoặc đã thi hành xong. **- Thay đổi căn cứ xác định pháp luật áp dụng trong giai đoạn chuyển tiếp** + Chuyển từ tiêu chí "đã lập biên bản hay chưa" sang tiêu chí "hành vi đã kết thúc hay chưa" và "thời điểm ban hành quyết định xử phạt": Điều 53 Nghị định 90/2017/NĐ-CP chủ yếu phân biệt trường hợp đã lập biên bản trước ngày		

STT	TRÍCH YẾU QUY ĐỊNH MỚI – ĐỐI CHIẾU QUY ĐỊNH CŨ	CĂN CỨ PHÁP LÝ	GHI CHÚ
	Nghị định có hiệu lực và trường hợp chưa lập biên bản. Ngược lại, Điều 51 Nghị định 204/2026/NĐ-CP xác định pháp luật áp dụng dựa trên (i) thời điểm hành vi vi phạm kết thúc; (ii) việc hành vi đã kết thúc hay vẫn đang thực hiện tại thời điểm Nghị định có hiệu lực; và (iii) thời điểm ban hành quyết định xử phạt đối với trường hợp còn khiếu nại. Như vậy, quy định mới chi tiết hơn về cách xác định văn bản pháp luật áp dụng trong từng tình huống chuyển tiếp.		

FDVN LAW FIRM

FDVN LAW FIRM

Facebook LUẬT SƯ FDVN

Facebook Lawyer for foreigners in Vietnam

Kênh Youtube FDVN Channel

Website LUẬT SƯ FDVN
fdvn.vn

Website FDVN LAW FIRM
fdvnlawfirm.vn

Website Diễn đàn nghề luật
diendannghеluat.vn

Luật sư FDVN tại Đà Nẵng

Tầng 2, Toà nhà Thư Dung Plaza, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Luật sư FDVN tại TP. Hồ Chí Minh

146 Hoàng Hoa Thám, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

Luật sư FDVN tại Hà Nội

Phòng 301, tầng 03, số 63 Vũ Ngọc Phan, phường Láng, thành phố Hà Nội.

Luật sư FDVN tại Huế

366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, thành phố Huế.

Luật sư FDVN tại Nghệ An

1421 Nguyễn Tất Thành, phường Quỳnh Mai, Nghệ An.

Tầng 2, tòa nhà Cửa Tiền Phố, đường Hồ Hữu Nhân, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Luật sư FDVN tại Gia Lai

Số 61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn